Chia Sẻ

09
2013(340)

Nội san thông tin Tỉnh Dòng Thánh Phanxicô Việt Nam. Bình An và Thiện Hảo - Pax et Bonum

Địa chỉ liên lạc: 03 Mai Thị Lựu, Đakao, Quận1, Tp. HCM

(08)3822 2294 ofmvietnam@gmail.com http//:www.ofmvn.org

Lịch gửi bài

Tháng	Cộng đoàn – Điểm	Ban Ngành	GĐ. PS
10 - 2013	**Thanh Hải, Cư Thịnh, CÔL, Sông Bé, Pleiku, Du Sinh, Cần Thơ**	**Phúc Âm Hóa**	**PSTT**
11- 2013	Vĩnh Phước, Đất Sét, Đồng Dài, Thủ Đức, Cồn Én, Hòa Hội, Hà Nội	Huấn Luyện	CPS
12 - 2013	Suối Dầu, Đakao, Xuân Sơn, Cù Lao Giêng, Bình Giả, Vinh	Thường Huấn	CLARA – FMM

Nội Dung:

Thư Anh Giám Tỉnh ***03***

Tin Tỉnh Dòng
- *Mười một anh em Tuyên Khấn lần đầu* 05
- *Tỉnh Dòng có thêm mười bảy Tập sinh* 05
- *Lễ an táng thầy Phaolô Nguyễn Tất Pháp…* 06
- *Lễ Khai giảng năm học mới* 06
- *Lễ Thánh Lu-y, bổn mạng anh chị em Dòng PSTT* 06
- *Lễ Thánh Clara*

Tin Hội Dòng
- *Trích thư Cha TPV gửi các chị Clara…* 07
- *Cha TPV gặp gỡ anh em trẻ ở Balan* 07
- *Thánh Địa: Tân Giám Hạt* 06
- *Thánh Địa: Viện Bảo tàng mới* 07

Trang Thơ
- *Lửa Tình Yêu* 35
- *Mong lửa ấy cháy lên* 35

Tin Nhà
- *Tin Cộng đoàn Bình Giã* 08
- *Tin Nhà Xuân Sơn* 10

Trang Thường Huấn
- *Chướng ngại vật trên đường tự do* 11

Trang Clara ***20***

Trang Phan sinh Thừa sai Đức Mẹ
- *Hồng ân nối tiếp hồng ân* 22

Chia sẻ trong Chia-sẻ
- *Duns Scotus, nhà lý luận tinh vi* 25
- *Sống sự tin tưởng, tinh thần trách nhiệm và sự thánh thiện* 30
- *"Chết" trong Chúa… sẽ "vui sống muôn đời".* 31
- *Giải đáp thắc mắc Cựu ước* 32
- *Con người khôn ngoan, công bình và hòa bình* 34

Những ngày ghi nhớ 36

Đakao, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Kính gửi toàn thể anh chị em trong Đại Gia Đình Phan sinh Việt Nam

Anh chị em thân mến,

Xin Đức Giêsu ban bình an cho anh chị em!

Trong ngày lễ thánh Âutinh hôm nay, đang suy nghĩ về cách thức Thiên Chúa làm việc trong cuộc đời một con người, tôi được nghe chủ tế thánh lễ cộng đoàn chia sẻ về hành trình đức tin của một con người, trong đó có nhiều bàn tay góp vào. Tôi rất tâm đắc với những chia sẻ này.

Quả thật, Thiên Chúa vẫn dùng nhiều nhân tố khác nhau để đưa chúng ta vào "Nước của Người và chia sẻ vinh quang với Người", như thánh Phaolô dạy (*1 Tx* 2,12). Điều đó đã đúng với thánh Phaolô trên đường Đamát, điều đó cũng đúng với thánh Âutinh và các thánh. Với thánh Phaolô, các nhân tố đó là: một tâm hồn khao khát phụng sự Thiên Chúa tận tình, niềm say mê với Lề Luật thánh, các giáo huấn quân bình của thầy Gamaliel, bàn tay của Khanania… Với thánh Âutinh, thì đó là lời cầu nguyện đầy nước mắt và gương sáng của bà mẹ Mônica, lời rao giảng và dạy dỗ của thánh giám mục Ambrôsiô, và những mò mẫm tìm chân lý ngay trong các lạc thuyết… Vì thế, "không vị thánh nào không có một quá khứ, và không kẻ tội lỗi nào không có một tương lai"! Điều thách đố, đó là đương sự nhận ra được như thế, và cộng tác tận tình với Thiên Chúa.

Tôi cũng nghĩ tới kinh nghiệm của cha thánh Phanxicô. Khi bắt đầu tìm cách đáp trả ý Chúa, ngài đã hỏi ý kiến của vị linh mục già ở nhà nguyện San Đamianô, trao đổi với một người bạn, thỉnh ý Đức giám mục Assisi. Khi đã có một số anh em, vì còn do dự về hướng sống thiêng liêng, ngài đã tham khảo ý kiến của chị Clara và anh Synvêtê. Sau này ngài vẫn có những người bạn đồng hành để giúp ngài cân nhắc trước khi lấy các quyết định. Đây là sự khôn ngoan thiêng liêng, là sự tin tưởng phó thác cho Thiên Chúa và khiêm tốn chờ đợi ý Người được tỏ ra qua các dụng cụ cũng thấp hèn như ngài, nhưng khác ngài. Đây không phải là đi tìm cho có những "đồng minh" ủng hộ sở thích, hay quan điểm riêng của mình, như có những người nói là hỏi ý kiến, nhưng ai nói khác ý mình thì không theo, và cứ đi hỏi ý người khác nữa, cho đến khi có ai nói đúng theo mình thì bảo: Đấy mới là ý Chúa! Phải nói đây là một lối xử sự không lương thiện!

Chúng ta có thể băn khoăn về điểm này khi mà thế giới ngày càng phức tạp và tạo ra những não trạng phức tạp. Sự đơn nhất (simplex) theo Tin Mừng là chuyện xa vời! Nhưng nếu không có một kinh nghiệm về bàn tay Thiên Chúa dẫn dắt cá nhân mình theo một nẻo đường riêng, khi mà mình đã mềm mại buông mình trong bàn tay dìu dắt của Người và kinh ngạc thích thú về những gì Người dành cho mình, thì hoán cải chỉ là chuyện tưởng tượng và hành trình thiêng liêng chỉ là một công thức trên môi miệng.

Đến đây xin thêm một ví dụ nữa: kinh nghiệm "trở lại" đạo Công giáo của một kinh sư Do Thái; ông đã kể lại hành trình đi đến với đạo Công giáo trong tác phẩm *De la Kippa à la Croix – Conversion d'un Juif*

au catholicisme[1]. Ông tự giới thiệu: "*Tôi tên là Jean-Marie Élie Setbon. Tôi là người Do Thái, trở lại với Đức Kitô. Tôi được rửa tội trong Hội Thánh Công giáo ngày 14-9-2008. Tôi góa vợ, đã tái giá, là cha của tám đứa con*" (tr. 11). Trong vòng 30 năm, ông đã đi tìm Thiên Chúa để phụng sự Người, vì cảm nhận một sự thôi thúc mãnh liệt trong lòng. Sống trong một gia đình Do Thái không giữ đạo, khi được 11 tuổi, ông đã lén làm dấu thánh giá vào buổi tối, khi cả nhà đã ngủ. Khi được 13 tuổi, ông đã đi tham dự các thánh lễ mà không hiểu gì, nhưng say mê Đức Giêsu Kitô, ông lên rước Mình Thánh Chúa Kitô và ông cảm thấy hết sức hạnh phúc, và cứ muốn lặp lại kinh nghiệm này. Nghe đọc Tin Mừng trong thánh lễ, biết rằng đây là một quyển sách nói về cuộc đời Đức Giêsu, ông đi mua một quyển Tân Ước bỏ túi, và mở ra đọc bất cứ khi nào có thể. Ông bắt gặp kinh nghiệm của Hồng Y Jean-Marie Lustiger là người Do Thái trở lại; ông bị đánh động khi xem tivi, thấy Đức Gioan-Phaolô II trao một quyển sách về thánh Gioan Thánh Giá cho một người Do Thái, thế là ông đi tìm các sách của Thánh Gioan Thánh Giá. Ông trao đổi với vị linh mục và các nữ tu ông tin tưởng. Ông cứ khao khát và cứ đi tìm. Điều này khiến tôi lại nhớ lại kinh nghiệm của thánh Âutinh: "*Con yêu Chúa quá muộn, lạy Chúa là vẻ đẹp vừa rất xưa vừa mới mãi, con yêu Chúa quá muộn! Này Chúa vẫn ở trong con, mà hồi ấy con cứ ở ngoài và cứ tìm Chúa bên ngoài!... Chúa từng ở với con mà con chẳng ở với Chúa*". Còn chúng ta, chúng ta là người Phan sinh, nhưng có khao khát đào sâu linh đạo Phan sinh, để sống cho ra người Phan sinh trong hoàn cảnh và nơi chốn hôm nay chăng? Chúng ta mang danh Đức Kitô, nhưng có tìm cách đào sâu thêm để hiểu biết Đức Kitô hơn, để gặp được Người trong cuộc sống, để say mê Người hơn mãi chăng? Dường như bao lâu còn sống ở đời này, cứ đi trên đường là đã tới nơi? cứ tìm hiểu biết thêm đã là hiểu biết thì phải?

Ngày 14-9, lễ Suy tôn Thánh Giá, một lễ rất quan trọng trong đời sống cha thánh Phanxicô (chúng ta cũng nghĩ đến ngày lễ cha thánh nhận năm dấu thánh, 17-9), tôi lại mong có được đôi tâm tình của ông Jean-Marie Élie Setbon, khi ông còn dang "đi tìm". Ông mua một cây thánh giá nhỏ, và luôn mang trong mình: "*Tôi có thể trải qua hàng giờ mà nhìn cây thập giá… Tôi có cảm tưởng là đang được tiếp xúc với một con người. Đây là sự hiện diện thần linh, rất mạnh mẽ, đang tha thứ, giao hòa, ban bình an và mang đến cho tôi một sự thư thái sâu xa bên trong. Cứ y như là tôi đang đứng trước cửa Thiên đàng vậy!*" (tr. 34-35). "*Thỉnh thoảng tôi biến vào một nơi xa vắng để chiêm ngưỡng cây thập giá của tôi, cụ thể vào các kỳ nghỉ tại miền quê. Tôi đi dạo, tôi ẩn mình trong rừng hoặc ở một khúc quanh, tôi treo cây thập giá của tôi trên một cây, và tôi chiêm ngắm!*" (tr. 102). "*Tôi tự hỏi: 'Lạy Chúa, tại sao con lại đi si mê một vật nhờm tởm đối với dân tộc con, tại sao?*" (tr. 35). Cuối cùng ông đã hiểu như thánh Phaolô (x. *1 Cr* 1,27): "*Sự điên rồ của thập giá, nghĩa là của nền tảng đạo Kitô giáo thì ở bên kia lý trí con người, bên kia nhận thức của con người*" (tr. 154). Được nghe kinh nghiệm của một người trở lại đạo, chúng ta mới biết chúng ta đang có những gì, để biết tận dụng những điều ấy, mà sống và … lên đường.

Thân ái chào tất cả anh chị em trong cha thánh Phanxicô Năm Dấu.

ts FX Vũ Phan Long, OFM

Giám Tỉnh

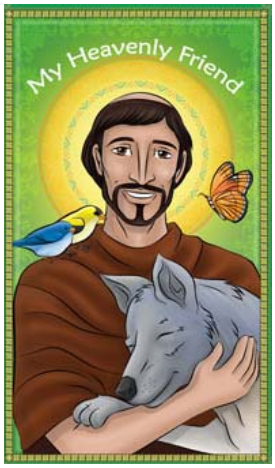

[1] Nxb Salvator, Paris 2013. Tạm dịch: "Từ chiếc mũ Kippa (= mũ sọ Do Thái) đến Thập giá – Cuộc trở lại đạo Công giáo của một người Do Thái". .

TIN TỈNH DÒNG

BẢN TIN TỪ VĂN PHÒNG TỈNH DÒNG

(Vinh sơn Trần Đức Hạnh ghi)

11 ANH EM TUYÊN KHẤN LẦN ĐẦU

Sáng ngày 20/08/2013, lúc 9g00 thánh lễ Tuyên khấn lần đầu trong Dòng Anh em Hèn mọn của 11 anh em vừa mới xong năm tập viện, đã được cha FX. Vũ Phan Long, Giám tỉnh Tỉnh dòng thánh Phanxicô Việt Nam cử hành tại nhà thờ giáo xứ Du Sinh Đà Lạt. Cùng đồng tế với cha Giám tỉnh có khoảng 25 linh mục là thân nhân của các tân khấn sinh và các anh em linh mục trong Tỉnh Dòng. Đến tham dự thánh lễ còn có các anh em tu sĩ trong Tỉnh Dòng Phanxicô, các chị FMM ở Đà Lạt, các anh chị PSTT miền Đà Lạt, các thân nhân của các tân khấn sinh, các ân nhân trong Hội bảo trợ ơn gọi Phan Sinh, và bà con giáo dân thuộc giáo xứ Du Sinh.

Thánh lễ được cử hành trang nghiêm, thánh thiện và đầy ý nghĩa qua các phần diễn nghĩa của nghi thức tuyên khấn, bài giảng lễ của cha Giám tỉnh, và các bài thánh ca. Việc tuyên khấn của các tu sĩ hôm nay là một hành vi công khai nói lên lòng khao khát của họ muốn đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa là sống đời dâng hiến. Qua hành vi này, các tân khấn sinh bắt đầu bước vào đời sống tình yêu giữa họ với Thiên Chúa cách trọn vẹn hơn. Việc tuyên khấn của các tu sĩ hôm nay không phải là đánh dấu cho sự thành công của họ trên bước đường tu trì, nhưng là bắt đầu cho đời sống hoán cải theo gương cha thánh Phanxicô, là hiến dâng trọn vẹn con người của họ cho Thiên Chúa và tha nhân.

Sau thánh lễ, các tân khấn sinh chụp hình lưu niệm với cha Giám tỉnh, các linh mục đồng tế, các anh em trong Tỉnh Dòng và thân nhân gia đình các khấn sinh. Sau đó mọi người cùng chung vui với các khấn sinh trong bữa tiệc mừng tại phòng Hội trường của giáo xứ. Nguyện chúc cho 11 anh em luôn vững bước trên con đường theo Chúa Giêsu Kitô cho đến cùng.

TỈNH DÒNG CÓ THÊM 17 EM TẬP SINH

Lúc 17g30, ngày 19 – 8 -2013, tại tu viện Phanxicô Du Sinh – Đà Lạt, cha FX. Vũ Phan Long, OFM, Giám tỉnh đã chủ sự nghi thức đón nhận 17 em vào giai đoạn Nhà Tập. Nghi thức này quen gọi là nghi thức mặc áo dòng, được cử hành trong giờ kinh chiều của cộng đoàn. Trong bầu khí ấm cúng và trang trọng của ngôi nhà nguyện Tập viện. 17 em tân tập sinh đã sốt sắng nói lên lời nguyện ước muốn tập sống 1 năm trong ơn gọi dâng hiến và đón nhận chiếc áo dòng mới từ tay Anh Giám tỉnh. Từ nay, các tân

tập sinh sẽ ý thức hơn về việc dấn thân của mình trong ơn gọi dâng hiến theo cách thức của cha thánh Phanxicô ở trong đời sống cầu nguyện, học tập và lao động tại môi trường Tập viện này.

LỄ AN TÁNG THẦY PHAOLÔ (BENGIAMIN) NGUYỄN TẤT PHÁP, OFM

Sáng nay (23-8-2013) lúc 4 giờ 30, anh em đã đưa linh cữu thầy Phaolô từ cộng đoàn Du Sinh ra nhà thờ giáo xứ Du Sinh trong cơn mưa dầm lạnh buốt để bắt đầu thánh lễ an táng lúc 5 giờ.

Cha Giám tỉnh FX. Vũ Phan Long đã chủ tế và giảng lễ, cùng với đoàn đồng tế gồm 12 anh em linh mục trong Tỉnh Dòng. Đến tham dự thánh lễ an táng gồm có các anh em trong Tỉnh dòng, các chị Phan sinh Thừa sai Đức Mẹ, các anh chị Phan sinh Tại thế vùng Đà Lạt, các thân nhân của thầy Phaolô và bà con giáo dân trong giáo xứ Du Sinh.

Trong bài giảng của cha Giám tỉnh, ngài đã chia sẻ một vài cảm nhận về cuộc đời của thầy Phaolô: Thầy Phaolô có một cuộc sống đơn sơ, mộc mạc, làm việc có trách nhiệm, yêu thích công việc lao động chân tay, luôn sẵn sàng vâng lời Bề trên và luôn cố gắng sống ơn gọi Phan sinh mỗi ngày. Có thể nói, giờ đây, thầy Phaolô đã chu toàn nhiệm vụ xây dựng Tỉnh dòng và ơn gọi Phan sinh, ơn gọi Kitô hữu, xin thầy giúp chúng con cũng biết cố gắng chu toàn nhiệm vụ của mỗi người trong ơn gọi Phan sinh tại trần gian này.

Sau thánh lễ, cha Anphong Nguyễn Công Minh, chánh xứ Du Sinh đã cử hành nghi thức tiễn biệt trước khi đưa thầy Phaolô về an nghỉ tại nghĩa trang của cộng đoàn Du Sinh.

Thầy Phaolô Nguyễn Tất Pháp đã ra đi, kết thúc một hành trình cuộc đời của thầy ở trần gian. Từ nay mọi người sẽ không còn được nhìn thấy thầy bằng xương bằng thịt nữa. Nhưng chúng ta vẫn còn gặp được thầy trong những ký ức suốt 88 năm thầy đã sống, chia sẻ cuộc sống với mọi người và chia sẻ ơn gọi với những anh em Phan sinh. Hơn nữa, trong niềm tin của người Kitô, chúng ta vẫn còn gặp thầy trong những giờ cầu nguyện và thánh lễ, và sau hết là trong ngày thế mạt, khi mọi kẻ chết được sống lại trong Đức Kitô Phục Sinh.

LỄ KHAI GIẢNG NĂM HỌC MỚI

Vào 8 giờ thứ Ba, ngày 3/9/2013, cha Phó Chưởng Ấn Học viện Phanxicô, Phaolô Nguyễn Đình Vịnh, OFM sẽ chủ tế thánh lễ Khai giảng năm học mới tại Học viện Phanxicô, số 42 Đình Phong Phú, P. Tăng Nhơn Phú B, Quận 9 – Tp. Hồ Chí Minh. Vào chiều cùng ngày, cha Phaolô cũng sẽ chủ tế thánh lễ khai giảng năm học mới cho các em Tìm Hiểu Phanxicô tại Nhà Tìm Hiểu Phanxicô quận 9.

LỄ THÁNH LU-Y, BỔN MẠNG CỦA ANH CHỊ EM DÒNG PSTT

Sáng ngày 26/8/2013, cha FX. Vũ Phan Long, OFM, Giám tỉnh Tỉnh dòng Thánh Phanxicô Việt Nam đã chủ tế thánh lễ mừng kính thánh Lu-y, vua nước Pháp, bổn mạng của Dòng Phan Sinh Tại thế. Đến tham dự thánh lễ có khoảng 150 anh chị em PSTT và GTPS thuộc miền Đông và Tây Sài Gòn.

MỪNG LỄ THÁNH CLARA

Sáng Chúa nhật, ngày 11/8/2013, tại Đan viện thánh Clara Thủ Đức, cha Giám tỉnh FX. Vũ Phan Long, OFM đã chủ tế thánh lễ mừng thánh Clara. Buổi lễ trang trọng và sốt sắng nhờ sự chuẩn bị chu đáo của các chị em và sự tham

dự đông đủ của các thành phần trong đại gia đình Phan sinh.

Trong bài giảng lễ, cha Giám tỉnh đã nhắc lại đặc tính của chị em là đời sống cầu nguyện. "Các anh em Dòng nhất và các chị em Dòng nhì không thể tách biệt nhau; đời sống hoạt động của anh em dòng nhất có được hiệu năng là nhờ đời sống cầu nguyện của chị em. Vì thế, chị em chỉ có một việc, đó là cầu nguyện".

TIN HỘI DÒNG

TIN TỪ FRATERNITAS

Trích thư của cha Tổng Phục vụ gửi các chị em Dòng Clara nhân ngày mừng lễ thánh Clara

"Các chị em thân mến, trong Năm Đức Tin này, tôi xin chia sẻ với chị em một vài suy nghĩ, dựa trên kinh nghiệm đời sống Kitô hữu của thánh Clara, có thể giúp chúng ta sống đời sống đức tin trong bối cảnh hiện nay mà nó được đánh dấu bởi những xung đột, sự nghèo đói, và sự thay đổi quá lớn. Hãy lắng nghe, để hiểu và chịu trách nhiệm với cả xã hội và lịch sử này mà chúng đang thay đổi quá nhanh, chúng ta cần biện phân bằng sự hiểu biết trong thần tính điều gì là thiết yếu, điều gì là không cần thiết, là điều cần được xét lại trong niềm tin tưởng vào Chúa Thánh Thần. Ngày nay, nó đang thách đố chúng ta nên ta không thể làm ngơ. Điều này rất có ý nghĩa cho sự hiện hữu của những Anh em Hèn mọn và các Chị em Nghèo. Làm sao chúng ta có thể thờ ơ trước những bạo lực và hận thù mà các cuộc chiến tranh nhiên liệu, các hình thức nghèo đói, việc khai thác kiệt quệ thiên nhiên, các khủng hoảng kinh tế đang đe dọa làm chúng ta quên mất phẩm giá của con người là quan trọng hơn tiền bạc và công việc, nhiều thanh niên bị tước mất tương lai cũng như niềm hy vọng, nhiều người bị đẩy xuống kiếp nô lệ, họ bị cướp mất phẩm giá của mình?

CHA TỔNG PHỤC VỤ GẶP GỠ ANH EM TRẺ Ở BA LAN

Cha Tổng Phục vụ, Michael Perry, OFM đã gặp gỡ anh em trẻ thuộc Hội đồng Giám tỉnh Bắc Slavic (Ba Lan, Slovakia, Cộng hòa Czech, Ukraine, Nga và Kazakhstan). Hội nghị được tổ chức từ 23 – 26/6 tại Đền thánh Anna ở Ba Lan, với chủ đề: "Làm sống lại quà tặng đức tin trong anh em".

Chương trình của hội nghị gồm các bài thuyết trình sau:

- Các trình diễn đa phương tiện của anh em trẻ thuộc mỗi tỉnh dòng
- Số lượng và chất lượng của việc huấn khởi đầu tại Hội đồng Giám tỉnh Bắc Slavic (Anh *Witosław J. Sztyk, OFM, Thư ký Huấn luyện và Học vấn của Hội đồng Bắc Slavic)*
- "Leo núi – Một phép ẩn dụ của Huấn luyện Phan Sinh" (Anh Michael Perry, OFM)
- "Là dấu chỉ và khí cụ của sự hiệp thông" (Anh *Ernest Siekierka, OFM)*
- "Điều quan trọng của việc học tập trong Huấn luyện Phan Sinh" (*Vidal R. Lopez, OFM)*
- "Việc Huấn luyện trong thời đại kỹ thuật số" (*Sergiusz M. Bałdyga, OFM)*
- "Làm sống lại quà tặng đức tin trong anh em" (Jose R. Carballo, OFM, Tổng Giám mục)
- "Khủng hoảng ơn gọi – nguyên nhân và giải pháp" (Anh *Michael Perry, OFM)*

THÁNH ĐỊA: TÂN GIÁM HẠT

Vào ngày 21 tháng 6, cha Tổng Phục vụ, Michael Perry đã tuyên bố anh Pierbattista Pizzaballa, OFM được bầu làm Giám hạt Hạt dòng Thánh Địa cho ba năm tới, sau khi được sự chấp thuận của Tòa Thánh và Ban Tổng Cố vấn Dòng.

THÁNH ĐỊA: VIỆN BẢO TÀNG MỚI

Hạt dòng tại Thánh Địa đang tập trung để hoàn thành Bảo Tàng Terra Sancta, nằm ngay trung tâm thành phố cổ Giêrusalem. Đây là bảo tàng duy nhất trên thế giới đặt trên những nguồn gốc Kitô giáo và việc bảo tồn các Nơi Thánh. Đây là cuộc triển lãm lâu dài để khám phá lịch sử của vùng đất đặc biệt này mà qua hàng thiên niên kỷ nó đã được đan dệt một cách bí ẩn, chúng là những vận mệnh của nhiều người đã sống tại những nơi thánh thuộc ba tôn giáo độc thần lớn trên thế giới.

(www.terrasanctamuseum.org)

Tin Nhà

TIN NHÀ BÌNH GIÃ

"Chàng da nâu" – Vinh sơn Vũ Anh Tuấn

Cộng đoàn Thỉnh viện Bình Giã xin kính chào toàn thể anh chị em trong đại gia đình Phan sinh. Trong lần đưa tin này "Chàng da nâu" xin được tiếp tục công việc của anh Bồ câu ở số tin lần trước, để cùng anh chị em điểm qua một vài thông tin nổi bật về đời sống và sinh hoạt của cộng đoàn Thỉnh viện. Thông tin được cập nhật qua các mục chính sau:

1. Quang cảnh mới của Thỉnh viện Bình Giã
2. Đặc sản "cũ" mà "mới"
3. Các sự kiện nổi bật trong tháng

1. Quang cảnh mới của Thỉnh viện Bình Giã. Để bắt đầu, "Chàng da nâu" xin mời anh chị em tham quan toàn cảnh của Thỉnh viện. Trong thời gian gần đây, cộng đoàn có nhiều thay đổi mới mẻ, đặc biệt về mặt cảnh quan. Trước tiên, sự mới mẻ này được tìm thấy trên đường vào, nơi hàng hoa đại đang dần xanh tốt được các anh em Thỉnh sinh khóa 2012-2013 trồng bên phía tay trái đoạn đường từ gần bảng hiệu '800m' vào gần đến bờ tường mới xây của nhà Dòng. Hàng hoa này như thay cho lời chào đầu tiên của Thỉnh viện gửi đến những ai có dịp ghé thăm. Điểm mới mẻ thứ đến xuất hiện ngay bờ tường trước cổng nhà Dòng; hàng chữ "Tu viện Phanxicô Bình Giã" nay được anh Phụ trách chuyển thành là "Thỉnh viện Phanxicô Bình Giã", cái tên như nói lên cách rõ ràng chức năng của cộng đoàn nơi đây là đào tạo và huấn luyện các Thỉnh sinh của Tỉnh dòng.

Tiếp tục hành trình vào phía bên trong, khi qua cổng, cùng lúc nhìn về phía tay phải, ta sẽ thấy một dãy nhà khách mới khang trang nhưng mộc mạc, được xây dựng để phục vụ các vị khách khi đến viếng thăm cộng đoàn. Đi dọc theo hành lang Nhà nguyện đối diện với dãy nhà khách mới, anh chị em sẽ được hàng hoa kiểng dây leo dẫn ra vườn cây 'bầu gió' trước đây, nay đã được san đất để trồng hoa, cây kiểng, cây ăn trái cùng đào ao nuôi cá. Do đất ở vùng này có đặc tính 'ngốn nước' nên hiện tại cộng đoàn vẫn đang trong thời gian tìm tòi những cách thức, hay một loại cá có thể 'sống được trên cạn'!…, hầu chọn ra giải pháp tối ưu nhằm khắc phục khó khăn của việc thiếu nước. Nếu trước khi vào Cộng đoàn, anh chị em đã được hàng hoa sứ, loài hoa đặc trưng của Thành phố Vũng Tàu chào đón, thì nay tại nơi ta đang đứng, quan sát ta sẽ thấy nổi lên màu tím của nhưng chùm hoa bằng lăng, sắc hoa đặc trưng của vùng Bà Rịa đang khoe sắc như muốn níu lòng khách ở lại với nơi đây.

Nhìn chung, sự xuất hiện của những công trình mới trong khuôn viên của Thỉnh viện như đem lại một bầu khí mới, làm phong phú thêm đời sống cộng đoàn của các anh em Phan sinh Bình Giã, đồng thời cũng góp phần không nhỏ trong việc hỗ trợ cho công tác huấn luyện các ứng sinh giai đoạn Thỉnh tu.

2. Đặc sản "cũ" mà "mới". Trước tiên có thể thấy, các loại hoa trái và cây trồng trong vườn cây của cộng đoàn là loại đặc sản tuy "cũ" mà lại "mới". "Chàng da nâu" nhận thấy cộng đoàn

Bình Giã ngày nay không những chỉ thay đổi nhiều về mặt cảnh quan, do sự hình thành của các công trình mới mà cả 'cơ cấu cây trồng' cũng thay đổi khá nhiều; dĩ nhiên là theo chiều hướng gia tăng. Khi nói đến vườn cây của Thỉnh viện, bên cạnh những loại cây cảnh, công nghiệp và cây ăn trái được trồng từ trước như: chuối, bơ, tiêu, điều, bắp, mãng cầu….mảnh đất nằm gần thành phố biển này còn xuất hiện thêm nhiều loại cây ăn trái khác là đặc sản của vùng miền Tây sông nước và các vùng miền khác nữa: mít, xoài, cóc, dừa, mận, ổi…và nhiều loại kiểng; cúc – Đà Lạt, đặc biệt hai loài hoa sứ và hoa bằng lăng - đặc trưng của vùng Bà Rịa Vũng Tàu cũng được hội tụ nơi đây. Hứa hẹn trong một thời gian không xa, nhờ ơn Chúa cùng sự chăm sóc của cộng đoàn, vườn cây này sẽ phong phú với đủ loại màu sắc của hoa kiểng khi đến mùa khoe sắc và các loại trái cây trong vụ mùa bội thu, để hoa kia khi nở rộ làm thỏa mắt người đến, thì trái nọ lúc chín cũng sẽ khiến người dùng cảm thấy ngọt lòng.

Bên cạnh món đặc sản thứ nhất, còn có một "đặc sản" khác không thể không kể đến mỗi khi nhắc đến cộng đoàn Thỉnh viện đó là những anh em vừa mới đến; những người đang khao khát và thỉnh nguyện được tìm hiểu sâu hơn về đời sống Phan sinh. Anh Phụ trách, các anh trong cộng đoàn cũng như mọi người dân xung quanh gọi các anh em Thỉnh sinh với một danh xưng rất dễ thương; 'các chú'. Vâng 'các chú' là đặc sản thứ hai "tuy cũ" mà "mới" của Thỉnh viện; nói "tuy cũ" bởi vì những anh em này không hoàn toàn xa lạ với đời sống Phan sinh, nhưng "mới" là vì mỗi anh em đang bước vào trong một gia đình mới, tập thích nghi với một môi trường mới, và gặp gỡ những người huấn luyện mới.

Năm nay, vào sáng thứ bảy ngày 6 tháng 8 năm 2013, cộng đoàn và lớp tân Thỉnh sinh mang tên vị bổn mạng là Chân phước Gioan Phaolô Đệ nhị gồm mười bảy anh em đã cùng tham dự Thánh lễ khai giảng được cử hành tại nhà nguyện, để chính thức mở đầu cho niên khóa Thỉnh mới 2013-2014. Trước đó, anh em đã có một cuộc thử sức khi tay xách nách mang cuốc bộ gần một cây số để vào cộng đoàn. nhờ công việc vất vả này mà anh em đã có một bữa trưa ngon miệng. Bầu khí của Thỉnh viện vào buổi trưa hôm đó được đan xen bởi nhiều cảm xúc khác nhau; chút bồi hồi lẫn chút bỡ ngỡ, và đâu đó trên khuôn mặt của vài 'chú' còn thoáng thấy cả sự lo âu nữa. Tưởng tượng lại bộ mặt của anh em trong lớp tại bữa cơm hôm đó, "Chàng da nâu" nhớ lại câu nói của các anh em lớp trước khi diễn tả về sự ngu ngơ của những anh em mới lần đầu gia nhập cộng đoàn, bảo rằng: 'lơ ngơ như thằng mới đến.'. Từ sau ngày hôm đó, các anh em tân Thỉnh sinh đã được anh các anh trong cộng đoàn, cách riêng anh Giám sư quan tâm và hướng dẫn để có thể sớm thích nghi và hòa vào nhịp sống chung hầu chuẩn bị bước vào hành trình huấn luyện; cảm giác của những ngày đầu tiên thật ấn tượng khi vừa mới lên, anh em đã được anh Giám sư giao cho hai nhiệm vụ phải hoàn thành, ba bài việt văn và một bài kiểm tra Anh văn… Tuy còn nhiều sơ xuất do buổi đầu bỡ ngỡ, nhưng cũng đã được các anh nhắc nhở kịp thời để khắc phục. Cho đến nay, các anh em như đã quen người và quen dần với sinh hoạt và công việc trong đời sống của cộng đoàn nơi đây. Chắc hẳn, mỗi anh em đều mang trong mình tâm tình tạ ơn Chúa và cảm ơn các Anh vì những hướng dẫn buổi ban

đầu cùng với sự đồng hành trong suốt một năm Thỉnh này.

3. Các sự kiện nổi bật trong tháng. Trong suốt tháng qua, bên cạnh những sự kiện vừa kể trên, "Chàng da nâu" xin kể tiếp những biến cố quan trọng nơi cộng đoàn Thỉnh viện này. Vào trưa ngày 13 tháng 8, trước ngày lễ Thánh Maximilianô Maria Kôbê, Bổn mạng của cộng đoàn, các anh trong cộng đoàn cùng các anh em Thỉnh sinh đã được hân hạnh đón tiếp các anh từ các cộng đoàn Xuân Sơn, Hòa Hội: anh Chức, anh Vượng, anh Quế, anh Thiện, anh Khôi, anh Duy về tĩnh tâm và chung vui với cộng đoàn để mừng trước ngày lễ bổn mạng. Buổi họp mặt trưa hôm đó cũng là dịp để các anh em Thỉnh sinh gặp gỡ để biết thêm về các anh trong các cộng đoàn Phan sinh lân cận với

cộng đoàn Bình Giã. Buổi gặp gỡ, chia sẻ đã diễn ra tốt đẹp và đậm tình huynh đệ.

Sáu ngày sau, anh Phụ trách, anh Triệu và anh Giám sư lên đường ra Đà lạt để tham dự lễ khấn của các anh em Tập sinh khóa 2011-2012, ở nhà chỉ còn anh Quản lý và các chú, nên mọi hoạt động về đời sống và phụng vụ các chú phải "tự tổ chức"; riêng Thánh lễ thì được phép của anh Phụ trách, các chú ra tham dự chung với cộng đoàn Giáo xứ. Anh em cũng được may mắn gặp gỡ và tiếp xúc với Cha sở Giáo xứ Vinh Châu, trong dịp ngài vào cộng đoàn dâng Thánh lễ.

Dĩ nhiên là còn nhiều sự kiện khác không được kể ra ở đây. Nhưng dù gì đi nữa, "Chàng da nâu" và các anh em của mình vẫn tin chắc rằng mọi việc xảy ra vẫn không nằm ngoài sự quan phòng của Thiên Chúa. Hơn nữa, chàng còn nghĩ, phải để cho người sau có chuyện để nói, chứ mình giành nói hết thì mất đức khiêm nhường.

Để kết thúc, "Chàng da nâu" xin mượn "oai hùm" để gửi lời cầu chúc đến các anh chị em xa gần trong đại gia đình Phan sinh. Xin Thiên Chúa Ba Ngôi qua lời chuyển cầu của Mẹ Maria Vô Nhiễm, Cha Thánh Phanxicô, Mẹ Thánh Clara, cùng Thánh Maximilianô Maria Kôbê ban cho anh chị em ơn Bình an và mọi điều Thiện hảo trong cuộc sống. Cộng đoàn Thỉnh viện Bình Giã xin chào và hẹn gặp lại.

TIN NHÀ XUÂN SƠN

Kính chào anh chị em,

Đã đến hẹn, anh em Xuân sơn chúng tôi gửi đôi điều thông tin, như dấu chỉ của sự liên đới hiệp thông trong đại gia đình Phan sinh.

Trước hết là tin nhân sự:

Cộng đoàn chúng tôi có chút thay đổi nhân sự. Anh Niên từ nhà con Hòa hội sẽ về bù chỗ trống của anh Quyến. Anh Quyến sau hơn hai năm chung sống cùng anh em. Vì lý do "Đường Tăng", nên anh được lệnh lên đường hướng về nhà mẹ Đakao, để dễ bề thỉnh bác sĩ và thuận tiện các dịch vụ y tế. Trưa 26/8/2013, cộng đoàn đã tiếp đón anh Niên, thành viên mới; nhưng rất tiếc lại không có anh Quyến tham dự. Nghinh tân, nhưng không tống cựu! Như vậy, cộng đoàn vẫn ổn định nhân sự như cũ với sáu anh em, chia làm hai nơi chốn.

Sinh hoạt hai nơi:

Nhà vườn:

Anh Phụ trách vừa lo việc chung của cộng đoàn. Anh vừa đóng vai trò người cha lãnh đạo gia đình; vừa người mẹ chăm sóc các dịch vụ linh tinh cho anh em nhà vườn. Ngoài ra, anh còn là trợ úy Phan sinh Miền Đồng nai, thỉnh thoảng làm một chuyến du hành đó đây, để đến cùng với anh chị em. Bệnh tình của anh hiện nay không rõ có khả quan hay mưa nắng trời sụt? Cầu chúc cho anh sớm bình phục để phục vụ trong tinh thần nhiệt thành và vui tươi. Phần cha già vẫn con hăng say phục vụ, sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, nếu được mời. Dù hiện tại ngài phải cần đến máy trợ thính; dù có hơi mau quên một chút do tuổi cao. Đời sống thiêng liêng, phong cách đời tu của ngài mãi là gương sáng cho anh em chúng tôi noi theo. Anh Niên, thành viên mới và là em út của cộng đoàn. Vì quá mới nên chúng tôi chưa có thông tin gì nhiều về anh để chia sẻ. Chỉ có cảm nhận từ cái gặp gỡ ban đầu; đó là người anh em đơn sơ với giọng nói-cười hồn nhiên. Dấu hiệu biểu lộ của một người anh em Phan sinh đích thực. Xin hãy chờ vào dịp chia sẻ lần tới, sẽ có nhiều điều thú vị về anh, ngỏ hầu chia sẻ cùng anh em.

Nhà xứ:

Anh Thiện phụ trách giáo xứ; anh Khôi phụ tá và anh Duy. Công việc giáo xứ cũng như mọi giáo xứ khác về mặt sinh hoạt. Chỉ khác đó là, anh em ý thức đây là công việc chung của cả cộng đoàn, được Tỉnh Dòng ủy nhiệm. Cá nhân anh em là người được phân công cụ thể, để cùng thực hiện chương trình chung theo sự sắp xếp nhân sự của cộng đoàn. Nói chung, tùy vào trách nhiệm riêng, anh em đã nỗ lực với tất cả khả năng của mình để phục vụ giáo xứ, với ước mong giáo xứ mỗi ngày thêm tốt đẹp với dấu ấn Phan sinh.

Tình hình giáo xứ đã dần đi vào ổn định sau thời gian thay đổi nhân sự. Vừa qua giáo xứ đã hoàn thành việc tu sửa lại tiền đường nhà thờ. Mới nhất là vào ngày lễ Mẹ Lên Trời đã khánh thành Đài Đức Mẹ; để bà con giáo dân có nơi

chốn biểu lộ lòng sùng kính Mẹ. Đồng thời với việc xây dựng cơ sở vật chất, giáo xứ còn chăm lo việc đào tạo nhân sự phục vụ; chăm lo các đoàn thể, đặc biệt là giới trẻ và thiếu nhi.

Giới hạn của một bản thông tin, khó lòng chia sẻ được nhiều. Cộng đoàn chúng tôi kính mời anh chị em: hãy đến mà xem!

Xin kính chúc anh chị em bình an trong Đức Kitô.

Thân ái kinh chào.

Người đưa tin

Thường Huấn

CHƯỚNG NGẠI VẬT TRÊN ĐƯỜNG TỰ DO

Lời giới thiệu: Trang Thường Huấn xin gởi đến Quý Độc Giả chương I của tập sách "HÀNH TRÌNH TỰ DO – CON ĐƯỜNG TỰ TRỌNG CỦA LINH MỤC VÀ TU SĨ" của cha James E. Sullivan, do ***Nguyễn Ngọc Kính***, OFM chuyển ngữ.

Tự Do – Một phẩm chất quý hiếm

Cha Micheal, một linh mục trung niên ngồi xéo góc với tôi, là một hình ảnh của sự đau khổ tâm thần. Nét mặt của cha căng thẳng và bồn chồn, còn cơ thể thì khô cứng. Khi cha nói, thì người ta thấy rõ cha phải cố gắng như thể cha rất khó thở.

Với giọng nói tỏ lộ nỗi đau nhức nhối của mình, cha nói: "Tôi cảm thấy rất sợ. Tôi vừa về giáo xứ này chỉ mới bốn tháng, nhưng tôi cảm thấy mình như mất trí."

Cha ngập ngừng rồi nói tiếp: "Cha quản xứ Jim rõ điên! Ngài tức giận và quát tháo mọi người trong nhà như một người mất trí! Ngài nghĩ chúng tôi đang tìm cách tống cổ ngài đi! Sống như vậy thì y như trong nhà thương điên."

Rồi cảm xúc tội lỗi bao trùm cha: "Tôi có cảm tưởng mình giống như một đứa bé! Tôi phải chấp nhận những chuyện như thế chứ không được thương hại chính mình."

Để làm dịu nỗi đau của cha, tôi nói: "Này cha Micheal, chịu đựng một hoàn cảnh như vậy quả là chuyện khó nhọc."

-"Tôi hiểu. Nhưng tôi luôn luôn nói với người khác là phải vui vẻ chấp nhận những điều đó như Thánh Ý Thiên Chúa. Tôi có cảm tưởng mình một kẻ giả hình đáng nguyền rủa."

Bầu khí căng thẳng trong nhà xứ làm cho cha Micheal suy sụp trầm trọng. Sự khôn ngoan và lương tri truyền dạy cha là phải xin thuyên chuyển đi nơi khác, nhưng cha *không thể* làm như thế được. Đó là một tấn thảm kịch: Cha không tự do. Cha nói: "Đức giám mục bổ nhiệm tôi về đây. Thánh ý Thiên Chúa muốn tôi ở lại đây và chịu đựng tình trạng này."

Tôi cố giải thích cho cha hay đó là một sai lầm của thuyết an tịnh[2] – học thuyết này quan niệm rằng, chúng ta không bao giờ được phép làm điều gì cho mình, mà chỉ nên tùng phục và chịu đựng bất cứ điều gì xảy đến cho mình mà thôi. Tôi giải thích: "Này cha Micheal, thuyết an tịnh đã bị Giáo Hội lên án. Thiên Chúa muốn chúng ta lấy những quyết định khôn ngoan cho đời mình, chứ đâu phải ngồi thừ ra đấy mà chờ đợi Người làm mọi sự cho chúng ta."

Tôi giải thích như thế, nhưng chẳng công hiệu gì, ít nữa là vào lúc đó! Một quan niệm lỗi thời ăn sâu vào tâm trí cha Micheal đã nhiều năm, nên một vài lời giải thích như vậy thì đâu dễ dàng thay đổi tâm trí cha được. Tôi thật đau lòng khi nhìn thấy một vị linh mục trẻ trung như vậy mà lại rất *thiếu tự do*. Không những cha bị sụp đổ trên bình diện cảm xúc, mà cha còn mất khả năng tìm lối thoát cho mình. Cha là một tù nhân, như thể cha bị bao bọc bởi hàng rào kẽm gai.

Thật đáng tiếc mà nói rằng, cha Micheal không phải là trường hợp họa hiếm. Nhiều người trong chúng ta cũng bị bao quanh bởi những chướng ngại vật là mặc cảm tội lỗi và ức chế,[3] khiến chúng ta không thể di chuyển trên đại lộ của hạnh phúc và niềm vui.

[2] Quietism. X. *Thuật ngữ thần học Anh Việt* (Học Viện Đa Minh, 2003), tr. 208. Xem bản chú dẫn (ND).

[3] Xem bảng chú dẫn (ND).

"Sống tự do hay là chết"

Phương châm "Tự do hay là chết" của bang New Hampshire quả là một phương châm rất thích hợp. Phương châm này diễn tả một cách súc tích cảm nghĩ sâu xa nhất của con người – một cuộc sống không tự do thì không đáng sống; vả lại, nếu không có tự do thì cuộc sống tự bản chất là một hình thức hấp hối.

Qua lịch sử mà chúng ta có thể ghi nhận được, thì lý tưởng tự do luôn luôn là một ước mơ mà con người quý chuộng. Một nhúm người thuộc thành phố quốc gia Hy Lạp đã nổi dậy chống lại thế lực áp bức của đế quốc Ba Tư, để bảo vệ lối sống dân chủ của mình. Tướng Spartacus thực hiện một nhiệm vụ bất khả thi, khi ông dẫn đầu một nhóm đấu sĩ đương đầu với đội quân Roma hùng mạnh, chỉ để hít thở một chút không khí trong lành của tự do. Các vị anh hùng như Galilê đã chấp nhận vào tù, chứ không chối bỏ sự tự do tri thức hay chối bỏ quyền tự do phát biểu sự thật mà ông thấy được. Và cách đây hai thế kỷ, một nhóm dân thuộc địa Bắc Mỹ đã thề nguyền bảo vệ "mạng sống, tài sản và danh dự của mình" như chính nghĩa tự do. Patrick Henry đã tóm tắt như sau: "Tôi không biết người khác cảm nghĩ như thế nào, nhưng đối với tôi thì có hai chọn lựa: Hoặc là cho tôi tự do, hoặc là cho tôi chết."

Tự do là một khát vọng mãnh liệt đến nỗi đã tạo nên trong lòng chúng ta những hình ảnh và cảm nghĩ thú vị: Tự do như một không gian rộng mở, không có hàng rào hay ranh giới; như những ngọn núi phủ đầy tuyết, hùng vĩ và cao ngất; như những thác nước tuôn đổ vang dội như bài ca hùng tráng; như việc nhảy múa, ca hát và vui đùa một cách tự nhiên mà chẳng hề xao xuyến hay lo sợ; như những cảm xúc vui tươi, hạnh phúc và bình an.

Tự do là một điều rất hấp dẫn, bởi vì đó là quyền *được sống của tôi*, sống theo cách tôi chọn; đó là quyền suy nghĩ và diễn tả tư tưởng của tôi một cách công khai; đó là quyền quyết định và thực hiện quyết định của tôi mà không sợ bị trừng phạt. Đó là quyền chọn lựa nơi cư trú, việc làm, bạn hữu và điều khiển cuộc đời của mình. Tự do đích thật mới là một cuộc sống đích thật.

Tự do không phải là quyền tuyệt đối

Khi tôi nhận thức rằng, tự do không phải là một cuộc đấu tranh vô trách nhiệm và cũng không phải là một quyền lợi không ranh giới, thì nhận thức đó không làm tôi giảm bớt lòng quý chuộng tự do. Nếu không có giới hạn, tự do sẽ trở nên phóng túng và chỉ đưa tới xao xuyến và đau khổ.

Nếu bạn được vui hưởng ân phúc tự do, thì quyền tự do của tôi phải *chấm dứt* ngay tại nơi quyền tự do của bạn được *bắt đầu.* Chẳng hạn, tôi có quyền tự do phát biểu, nhưng tôi không có quyền bôi nhọ thanh danh của bạn, hay lợi dụng quyền tự do phát biểu mà lăng mạ bạn bằng bất cứ cách nào. Tôi không được phép cản trở quyền tự do chọn lựa của bạn, hay hủy hoại tài sản của bạn. Nếu tôi có quyền xâm nhập vào không gian của bạn, hay can thiệp vào cuộc sống của bạn, ắt bạn cũng có quyền can thiệp vào cuộc sống của tôi!

Bất luận thế nào đi nữa, không ai trong chúng ta được hoàn toàn tự do.

Nếu tự do là một quyền lợi, thi quyền lợi ấy nhất thiết phải kèm theo nghĩa vụ và sự trưởng thành trong việc kiểm soát xung năng của mình. Quyền lợi của tôi phải kết thúc chính tại nơi mà bạn bắt đầu thi hành quyền lợi của mình. Tuy nhiên, trong không gian có giới hạn và riêng của tôi, sự tự do đích thật cho tôi quyền được sống, làm việc, chọn lựa, lấy tình yêu mà vươn ra với người khác và để cho tình yêu của người khác chạm vào tôi – mà chẳng sợ hãi, chẳng bị áp lực hay sợ bị trừng phạt.

Tự do đích thật phát xuất từ bên trong

Sự tự do mà chúng ta khao khát thường được mô tả như tình trạng được giải thoát khỏi những hạn chế và áp lực bên ngoài; như một loại chính quyền dân chủ đối nghịch với sự trấn áp và kiểm soát của chế độ độc tài; như một môi trường an toàn khác biệt với một xã hội vô trật tự trong đó quyền thuộc về kẻ mạnh.

Trong khi bận tâm đến sự tự do ngoại giới, thì rất có khả năng là chúng ta quên rằng, sự tự do đem lại mãn nguyện và sự sống chính là sự *tự do nội tâm*[4] – được giải thoát khỏi những áp lực và chướng ngại vật bên trong tâm hồn. Đó mới là sự tự do đích thật và cao quý hơn hết mọi loại tự do khác – và cũng là loại tự do mà chúng ta phải trải qua nhiều gian khổ thì mới có được. Đức giám mục Ford dù bị giam giữ trong tù nhiều năm, nhưng ngài vẫn là một con người rất tự do, tự do trong tư tưởng và trong tâm hồn. Trong khi đó, nhiều người Hoa Kỳ đang

[4] Xem bảng chú dẫn (ND).

vui hưởng sự tự do ngoại giới, nhưng lại là những *tâm hồn nô lệ!* Nô lệ cho rượu chè. Nô lệ cho ma túy. Nô lệ cho những loại cảm xúc và hành vi lo lắng thái quá. Nô lệ cho cảm xúc có tội và tự trừng phạt có tính chất ái khổ. Nô lệ cho những lối sống mà họ căm ghét. Đối với đa số chúng ta, những lãnh vực thiếu tự do trong đời sống thì bao la!

Mục đích của tập sách này là giúp chúng ta nhận ra tình trạng nô lệ bên trong nội tâm, phục hồi lòng khao khát tự do nội tâm và giúp chúng ta khởi sự một hành trình mới.

Tôi là người duy nhất có thể giành lấy sự tự do nội tâm cho chính mình! Luật dân sự có thể bảo vệ tôi khỏi sự can thiệp phi pháp của *người khác*. Đáng tiếc là không có thứ luật pháp nào có thể bảo vệ tôi khỏi sự can thiệp của *chính mình*! Ngục thất tồi tệ nhất là ngục tù do tôi làm ra, đó là ngục tối của sợ hãi, ức chế và cảm xúc ngột ngạt vì mặc cảm có tội.

Luật dân sự bảo vệ tôi khỏi sự phỉ báng và vu khống. Khi tôi bị phỉ báng và vu khống một cách bất công, tòa án cho tôi cơ hội để bênh vực và đòi bồi thường cho mình. Tuy nhiên, ai có thể bảo vệ tôi khỏi những sự lên án bất công mà tôi tự áp đặt cho mình? Ai có thể bảo vệ tôi khỏi những sự trừng phạt nhẫn tâm khi tôi buộc mình phải mang cảm xúc tội lỗi tâm căn[5]?

Lực lượng cảnh sát có thể làm cho tôi tương đối an toàn, không bị trộm cướp và hãm hại, nhưng lực lượng cảnh sát không thể làm cho tôi khoan dung và có lòng thương xót đối với chính mình.

Kỳ thực thì rất ít người có được sự *tự do nội tâm*, nhất là các tu sĩ và linh mục chúng ta. Đối với đa số tu sĩ và linh mục chúng ta, thì có một loạt những chướng ngại vật rải rác trên đường đi đến hạnh phúc và hoàn thiện chính mình.

Cô Mary là một ví dụ điển hình. Cô có một ngoại hình và nhân cách rất dễ thương. Cô thích đàn ông và hình như đàn ông cũng thích cô. Cô có óc hài hước và lòng nhiệt tình.

Thế nhưng, cô Mary không để cho mình tương quan "nghiêm túc" với bất cứ người đàn ông nào. Hình như cô chỉ cho phép mình hẹn hò và chỉ hẹn hò một số lần nhất định trong tháng. Cô hành động như thế, chẳng phải vì cô không muốn kết hôn và có một gia đình riêng. Trái lại, hôn nhân là điều cô hằng mơ ước.

Chướng ngại vật cản trở cô thực hiện ước mơ của mình chính là cảm xúc tội lỗi tâm căn. Cô Mary có một người em sinh đôi khuyết tật cả thể chất lẫn tinh thần. Cô em luôn luôn so đo với chị mình và bộc phát những lời than vãn. Chị Mary có được mọi thứ, còn mình thì chẳng có gì.

Trên bình diện *nhận thức,* cô Mary biết rằng mình không đáng bị khiển trách vì sự bất hạnh của em mình, nhưng trên bình diện *cảm xúc* thì cô cảm thấy rất có lỗi vì sự phiền muộn của em mình. Mỗi lần hẹn hò với ai, cô cảm thấy đau đớn vì cô tự khiển trách là kẻ "ích kỷ." Cô không thiếu cơ hội trên thế giới này, mà cô chỉ thiếu sự tự do nội tâm.

Ông Walter là một ví dụ khác. Rõ ràng là ông đau khổ, khi ông phát biểu như thế này: "Ông Bernie đã kiếm được việc rồi. Tôi đã cố gắng tỏ ra hào hiệp hết sức để mỉm cười và chúc mừng ông, nhưng bên trong thì cảm thấy rất nhức nhối! Ông biết không, tôi nghĩ ông chủ thậm chí không thèm *chiếu cố* đến tôi! Tôi luôn luôn phải chịu đựng những chuyện bất công. Mọi người đều có cơ hội! Còn tôi, tôi chỉ mong có lấy một cơ hội thôi mà cũng không được!"

Ông Walter khoảng 30 tuổi, là một người ăn nói nhỏ nhẹ. Ông nhút nhát, khiêm tốn, mải mê làm nghề mộc. Hẳn ông có lý khi nghĩ rằng ông chủ không thèm xem xét mà thăng chức cho ông.

Những hoàn cảnh như thế quả không hiếm. Nhiều người trong chúng ta không nhận thấy những thế lực bên trong đang xâm phạm tự do của mình. Chúng ta có khuynh hướng chỉ nhìn thấy tự do như một tình trạng không bị ràng buộc bởi những áp lực ngoại giới. Vì thế, hình như niềm hạnh phúc và sự viên mãn của chúng ta chỉ lệ thuộc những nhân tố bên ngoài, mà chúng ta khó kiểm soát hay không thể kiểm soát được. Do đó, dường như chúng ta xem sự viên mãn của mình là "vấn đề may mắn." Bạn chỉ cần "tìm được sự may mắn," "biết đúng người – người có thể mở cửa cho bạn." Hoàn cảnh thì thuận lợi cho những người may mắn, còn những người khác thì phải chịu đựng hoàn cảnh.

Nếu chúng ta có khả năng đập tan huyền thoại về sự "may mắn" ấy, chúng ta mới có thể thực hiện một bước nhảy quan trọng trên hành trình hướng tới sự tự do. Trong khi một số

[5] Neurotic guilt: Một hình thực rối loạn cảm xúc, khiến chủ thể cảm thấy có tội một cách vô căn cứ (ND).

chướng ngại vật cản trở chúng ta thể hiện tiềm năng của mình, có thể phát xuất từ bên ngoài, nhưng phần lớn các chướng ngại vật đều phát xuất từ bên trong.

Nhiều loại chướng ngại vật

Tôi có thể thiếu tự do dưới nhiều hình thức. Có thể là những ức chế, tức là những điều cản trở tôi thực hiện những điều tôi biết là tốt. Ví dụ, tôi biết rằng, để tạo bầu khí thân thiện khi làm việc với người khác, thì tôi phải tiếp xúc với họ. Tôi muốn tiếp xúc với họ, nhưng tôi lại sợ. Nếu họ không thích tôi thì sao? Chắc hẳn là họ sẽ khó chịu.

Thế là tôi không tiếp xúc với họ. Một cách vô thức, tôi đưa ra những tín hiệu dửng dưng, lạnh nhạt và không quan tâm. Tất nhiên là những người bạn đồng nghiệp sẽ phản ứng một cách tiêu cực đối với những tín hiệu của tôi. Trong mắt họ, hình như tôi hành động như một kẻ cả và thiếu quan tâm – rồi họ cũng gởi lại cho tôi những tín hiệu tương tự như vậy. Họ cũng không tiếp xúc với tôi. Bấy giờ, tôi tin rằng mình đã làm "không đúng việc" và làm việc "không đúng người." Quả là điều tuyệt vời, nếu mình được làm việc tại một cơ quan mà người ta tỏ ra thân thiện và thoải mái! Tại sao mình không bao giờ có cơ hội? Thậm chí tôi không hề nghĩ mình đã khởi xướng toàn thể tiến trình đó!

Đôi khi, chướng ngại vật chính là những cưỡng bức tâm lý.[6] Ví dụ, khi tôi có cảm nghĩ là bạn đang xúc phạm tôi, thì những lời bạn nói, giọng điệu và cử chỉ của bạn có thể được diễn giải như những hành vi "sỉ nhục." Tôi cảm thấy bị thúc bách phải "nói thẳng vào mặt bạn." Tuy nhiên, tâm trí tôi lại bảo rằng, đây không phải là nơi và cũng không phải lúc để đối chất với nhau. Lúc này thì bạn đang bận việc. Bạn không thể hiểu tôi.

Không sao! Tôi *phải* loại bỏ những cảm nghĩ ấy ra khỏi tâm trí mình. Sự cưỡng bức thiêu đốt lồng ngực tôi như thể than hồng. Vậy tôi phải nói thẳng ra! Quả là chuyện rối rắm! Bạn không thể hiểu tôi. Bạn không thể thấy được quan điểm của tôi. Đó không phải là những điều bạn cố ý. Bạn làm tôi bị tổn thương, bởi vì tôi nghĩ như thế. Tôi nghĩ bạn là một người thô lỗ vô cảm!

Tôi cảm thấy rất thất vọng. Trong tâm trí, tôi cứ lặp đi lặp lại bài ca cũ kỹ. Tôi nghĩ tất cả đều do lỗi *của bạn*. Trước tiên là bạn hạ nhục tôi. Rồi bạn không đủ trưởng thành để chấp nhận lỗi phạm của mình. Bạn cứ tiếp diễn và đề phòng tôi. Bạn phủ nhận tất cả mọi sự. Giả như tôi được làm việc với những người biết thông cảm thì tuyệt vời biết bao! Điều đáng tiếc là tôi không nhận thấy mình đã góp phần vào tình trạng bất hòa ấy. Tôi nghĩ rằng, toàn bộ câu chuyện làm cho mình thất vọng bắt nguồn từ những nguyên nhân bên ngoài.

Đôi khi chính thái độ và thành kiến của tôi là nguyên nhân khiến tôi thiếu thân thiện và không toại nguyện. Tôi tự nhủ rằng, giao tiếp với nữ giới thì chẳng ích lợi gì. Tất cả phụ nữ đều dối trá! Trước mặt thì họ nói cười vui vẻ, nhưng họ lại đâm sau lưng bạn. Tại sao mình lại chạy theo đau khổ? Vậy mình có thể tin tưởng đàn ông không? Bọn họ đều thích cạnh tranh và đói khát quyền lực. Họ quyết tâm hạ gục và làm nhục tôi; họ chẳng quan tâm đến việc làm bạn với tôi.

Dĩ nhiên, tất cả những suy nghĩ méo mó ấy là một phần trong mớ "hành trang" mà tôi mang theo từ những kinh nghiệm thời thơ ấu. Tôi sống trong một chế độ chuyên chế, trong đó tôi thiếu tự do là vì sự áp đặt của một chính quyền và lực lượng cảnh sát tiềm tàng trong nội tâm mình. Phần lớn những điều làm cho tôi thiếu tự do là do tôi "nhồi nhét" vào tâm trí mình.

Tự giam hãm trong những quan điểm sai lạc

Anh Take Mark là một người đàn ông khoảng 30 tuổi, cao ráo và đẹp trai; anh có nhiều thuận lợi. Anh hoạt bát và chân thành thông cảm với người khác.

Bất chấp những thuận lợi ấy, anh Mark hoàn toàn thất vọng. Anh sống một mình. Hầu như anh đã đánh mất niềm hy vọng là mình sẽ thiết lập được một mối tương quan mãi mãi sâu xa với một phu nữ.

Anh cố gắng hết sức để giao tiếp với người khác, thường xuyên đi khiêu vũ và mời người khác cùng khiêu vũ. Tuy nhiên, sau một vài lần hẹn hò, anh đoạn giao với họ, và không gặp lại họ nữa.

Đọc lại lịch sử của anh, người ta thấy mẹ anh là một phụ nữ độc đoán và thao túng người khác, bà hoàn toàn phủ bóng và kiểm soát chồng mình. Bà điều hành gia đình. Cha của Mark ít khi lớn tiếng với bà. Ông lặng lẽ ưng

[6] Compulsion. Xem bảng chú dẫn (ND).

thuận và làm theo cách dễ nhất. Mark cũng hành động như cha mình, nhưng trong lòng thì ôm ấp thù ghét và đau đớn.

Qua những lần tư vấn, anh Mark nhận thức rằng, anh đã nhìn *mọi phụ nữ* qua lăng kính của những kinh nghiệm với mẹ mình. Trong vô thức, anh cho rằng phụ nữ là những người thao túng, độc đoán và thích kiểm soát. Đến gần phụ nữ là nộp mình cho móng vuốt của họ. Đến gần họ là từ bỏ quyền điều khiển bản thân, và đánh mất lòng tự trọng. Đối với anh Mark thì không có giải pháp dung hòa. Hoặc là người đàn ông đặt mình dưới quyền kiểm soát của phụ nữ để làm vui lòng họ, hoặc là ông phải trả giá bằng việc không yêu thương và đau đớn. Quan hệ với phụ nữ chắc chắn sẽ đưa đến thảm bại.

Dĩ nhiên là tất cả những suy nghĩ ấy đều nằm trong tiềm thức của Mark. Trên bình diện ý thức, anh biết mình rất cô đơn, anh khao khát một tương quan yêu thương và thân mật. Anh không hề biết rằng, một phần nơi con người của mình, tức là cảm xúc bất an và lo sợ vô thức, đang hối hả hoạt động để phá hủy những mối tương quan mà cái tôi ý thức của anh đang cố gắng xây dựng.

Khi người phụ nữ nói một lời có vẻ như ra lệnh, thì một điều gì đó được kích hoạt nơi anh. Anh cảm thấy "lạnh lùng" bên trong tâm hồn. Đôi khi anh phản ứng lại bằng những lời lẽ gay gắt và mỉa mai. Đôi khi anh lại trở nên trầm lặng và rút lui.

Anh đã đánh mất một cơ hội hết sức đáng tiếc, khi anh gặp một phụ nữ trông khá lý tưởng để có thể kết thân. Cô thấy Mark là một người đàn ông hấp dẫn và muốn tìm hiểu anh nhiều hơn. Đôi lần họ đi chơi với nhau và cô cảm thấy Mark rất sẵn sàng với cô, nhưng lại nói rất ít về bản thân mình. Cô thử vươn tay ra với anh và nói: "Anh Mark, hình như anh hơi dè dặt. Em muốn biết về anh nhiều hơn." Đó là một hình thức nhẹ nhàng nhằm biểu lộ sự quan tâm chân thành.

Tuy nhiên, đối với anh Mark thì không phải vậy! Hệ thống cảnh báo bên trong nội tâm anh được kích hoạt và bộ phận sàng lọc "mẹ" lập tức xuất hiện. Anh nghe lời thỉnh cầu của cô như một *lời sỉ nhục* và khiển trách. Với một giọng nói khó chịu, anh đáp lại: "Em thấy anh như thế nào, thì anh là như vậy! Không hơn không kém. Nếu em không thích như thế, thì quả là điều tồi tệ!"

Cô cảm thấy bẽ mặt. Cô không nên nói như thế. Đôi mắt cô nhạt nhòa trong nước mắt. Lại một tín hiệu xấu khác, anh Mark tự nhủ: "Lại giở trò thao túng nữa đây! Mình sẽ không thể nào thoát khỏi cạm bẫy!" Anh đứng lên, chào tạm biệt và đi về.

Khi anh Mark kể lại câu chuyện ấy trong buổi tư vấn kế tiếp, anh hoàn toàn tin rằng cô ta đúng là "một trong những phụ nữ thích kiểm soát và điều khiển cuộc đời bạn." Anh giống như một hành khách đứng cuối đoàn tàu đang rời sân ga, và sân ga đang di chuyển xa khỏi anh.

Nhiều người trong chúng ta rất khao khát sự thân mật, nhưng lại cảm thấy khó kết bạn với người khác. Anh Mark cũng thế! Vấn đề chính yếu của anh không phải do người khác gây ra. Những chướng ngại vật chủ yếu nằm bên trong tâm hồn anh.

Chướng ngại vật do cảm xúc tội lỗi

Điều không may là tình trạng thiếu tự do phát xuất từ nhiều nguyên nhân. Một trong những chướng ngại vật gây tai hại nhất là cảm xúc có tội. Tôi có thể đáp ứng các nhu cầu của mình một cách khá dễ dàng, nếu tôi làm như vậy mà không cảm thấy bị khiển trách. Chẳng hạn, tôi có thể dành thời giờ cho riêng mình, đọc sách hay xem phim, tìm gặp những người tôi thích và nói chuyện với họ, không để cho mình bị áp lực mà phải thực hiện những dự phóng mà mình chán ghét. Tôi chỉ có thể thực hiện những điều ấy một cách thoải mái, khi tôi làm mà không cảm thấy có tội hay đáng bị khiển trách. Ngược lại, tôi sẽ cảm thấy quá đau đớn khi đáp ứng nhu cầu của mình, nếu tôi cảm thấy mình *ích kỷ* khi làm như thế.

Nữ tu Rosemary là một ví dụ. Chị làm hiệu trưởng một ngôi trường trong vùng ngoại ô nghèo nàn. Nhờ nỗ lực của chị mà ngôi trường đã trở thành trường điểm. Chị có khả năng thu hút các giáo viên rất giỏi và tận tâm, vì họ bị tác động bởi sự chân thành và trình độ nghiệp vụ của chị, nên họ không còn sợ vùng sâu vùng xa. Ngoài việc quản lý chương trình học tập, chị còn dành thời giờ để gây quỹ; tổ chức các nhóm thiện nguyện viên dọn dẹp và sửa chữa trường lớp. Dù mệt nhọc, chị cảm thấy thật sự bình an và toại nguyện vì đã hoàn thành công việc.

Chị Rosemary bắt đầu gặp rắc rối, khi chồng của chị mình qua đời, và bà đem toàn bộ đồ đạc

tới tu viện và yêu cầu chị phải chăm sóc bà, vì bà "ốm yếu" và không thể lao động được. Bà chờ đợi chị đích thân phục vụ bà. Khi chị Rosemary cố thuyết phục bà vào nhà dưỡng lão, bà chẳng thèm nghe mà còn nói: "Nếu em đuổi chị ra khỏi đây, thì chị sẽ tự tử!" Lời đe dọa ấy vượt quá sức chịu đựng của chị Rosemary. Chị để bà ở lại tu viện, mặc dầu huyết áp của bà cao ngất ngưởng vì bà không ngừng đòi hỏi, trong khi bệnh tình ngày càng trầm trọng.

Bạn bè chị tỏ vẻ tức tối. Họ không ngừng nói với chị rằng, bà chị của Rosemary đang thao túng chị. Nhưng vô ích! Chị cảm thấy bị dằn vặt vì cảm xúc có lỗi, ngay cả khi những người khác đề nghị đưa bà vào nhà dưỡng lão. Nhìn bên ngoài thì chị là một người tự do và rất sáng tạo, nhưng bên trong thì chị đang bị giam cầm, chị bị giam giữ trong tình trạng thiếu lòng tự trọng và cảm xúc có tội mà chị hằng lo sợ.

Sự thúc ép phải chứng tỏ bản thân

Trong số những chướng ngại vật khiến chúng ta thiếu tự do, còn có một chướng ngại vật quan trọng khác: Đó là cảm nghĩ cho rằng, tôi luôn luôn bị thử thách, nên tôi *phải* đạt được những tiêu chuẩn cao nhất, nhằm chứng tỏ mình là người có giá trị. Chướng ngại vật này cũng bắt nguồn tư bên trong tâm hồn tôi, cùng với cảm nhận về lòng tự trọng nghèo nàn của mình. Tôi cảm thấy thua kém người khác. Cảm xúc ấy làm tôi đau đớn, nên tôi phải chứng tỏ với mình và với bạn rằng, tôi *không phải* là kẻ chiến bại. Tôi tin rằng, "bằng chứng" duy nhất mà tôi có thể trưng dẫn là phải chứng minh cho người khác thấy thành quả xuất sắc của tôi. Tôi phải là người giỏi nhất, nếu không thì tôi sẽ tin vào sự đánh giá trước đây về mình – Tôi là người dở nhất!

Sự cưỡng bức ấy là một gánh nặng mà tôi thường xuyên vác trên vai. Dường như tôi không bao giờ được giải thoát khỏi gánh nặng ấy. Bất luận tôi có hoàn thành công việc của mình tốt đẹp đến mấy đi nữa, tôi không bao giờ tin là mình hoàn toàn được chấp nhận; mà tôi chỉ có cảm nghĩ trong chốc lát là mình không thất bại.

Cha Đa Minh, một linh mục khoảng 39 tuổi, là một ví dụ nổi bật về loại cưỡng bức ấy. Cha làm việc chăm chỉ đến mức không có lấy một ngày nghỉ trong tuần. Thỉnh thoảng cha ra ngoài ăn trưa hay ăn tối với bạn hữu, nhưng cha luôn luôn vội vã xin về trước vì có hẹn. Cha thúc ép mình một cách nhẫn tâm. Cha không có tự do vui hưởng cuộc sống. Cha không thể để cho mình nghỉ ngơi và thư giãn.

Lịch sử thời thơ ấu của cha cho thấy rằng: Khi còn là một cậu bé, cha cảm thấy bị che khuất bởi bóng mây của cha mình. Hình như ông là một người đàn ông phi thường. Ông là một nhạc sĩ có tài và đã lập một ban nhạc như một nghề phụ. Làm việc trong công ty, ông đã nỗ lực đi từ chân một thư ký đến chức phó chủ tịch trong khoảng 15 năm. Người ta không gọi cha là "cha Đa Minh, "mà gọi là "con ông X."

Mẹ và em gái cha thì sùng bái bố của cha. Do vậy, cha cũng sùng bái ông. Tuy nhiên, sự ngưỡng mộ ấy đã biến thành sự so sánh giữa cha và bố mình, khiến cha cảm thấy rất tự ti. Đó là một cảm xúc rất đau đớn, một sự pha trộn giữa cảm xúc tức giận, ghen tị, tự ti và có lỗi. Cha nghĩ là mình phải trở thành một "siêu nhân" như cha mình, dù ông đã mất nhưng vẫn bất tử trong mắt mọi người. Cha Đa Minh thiếu tự do trong một phạm vi rộng lớn. Cha là một người bị bức bách.

Tôi đã tư vấn cho cha trong một thời gian dài, để cha nhận thấy mình không cần phải cạnh tranh với bố mình. Cha không thể là bố mình! Cha không phải là bố mình! Thậm chí cha và bố mình không ở trên cùng một đường ray! Cha cần phải đạt cho được thành công vĩ đại này: Đó là trở nên *chính mình*.

Chướng ngại vật khắp nơi chung quanh chúng ta

Có đủ loại chướng ngại vật cản trở chúng ta vui hưởng cuộc sống và tìm thấy sự mãn nguyện. Sợ hãi là một trong những chướng ngại vật nguy hiểm nhất: Sợ gần gũi với người khác, khiến tôi không thể yêu thương hay để cho bạn yêu thương tôi; sợ không được chấp nhận, khi tôi nghĩ rằng, một khi bạn biết tôi, chắc chắn bạn sẽ không thích tôi và sẽ rút lui. Tôi càng khao khát và thèm muốn yêu thương một cách trọn vẹn, thì những nỗi lo sợ ấy càng trở nên giống như những bức tường bằng đá bao vây tôi, khiến tôi bị cô lập và cô đơn.

Sợ thất bại là một chướng ngại vật khủng khiếp khác. Tôi xem thất bại như một "bằng cớ" chứng tỏ tôi là người thua kém kẻ khác. Một khi tôi quan niệm như vậy, tôi phải làm hết mọi cách để loại bỏ những nguy cơ đưa đến thất bại. Thất bại hẳn là một cú đấm giáng vào

lòng tự trọng của tôi. Do đó, tôi không dám thử sức mà phát huy tài năng của mình. Tôi tự nhủ: "Mình không thử thì làm sao thất bại được!" Tôi không dám nói với mình rằng, "nếu tôi *không dám thử*, thì làm sao *có thể thành công* được." Và vì thế, những tài năng của tôi vẫn bị chôn vùi trong cát.

Thông thường, sự sợ hãi mạnh mẽ đến nỗi, tôi sẽ tiến hành một dự án *làm cho mình* thất bại (dĩ nhiên là một cách vô thức) ngay khi mình hoàn tất. Sự thất bại thực sự, dù đau đớn thế nào đi nữa, thì vẫn dễ chịu hơn nỗi lo sợ kinh khủng là mình sẽ thất bại.

Nữ tu Nancy đã nghiệm thấy rằng, hiện tượng đau buồn ấy có thể tác động cả một lớp học. Chị khiếp sợ khi đảm nhận lớp 5, một lớp học đặc biệt mà các giáo viên đi trước nói về các học sinh như những kẻ "tinh ranh." Chúng bướng bỉnh và học hành rất kém vì trí thông minh thấp kém. Chị Nancy muốn tìm hiểu nguyên nhân. Thoạt tiên, chị tỏ ra dịu dàng với chúng, chờ cho chúng đùa giỡn xong và ngồi vào ghế. Khi chúng đã tập trung chú ý, chị cố tìm hiểu xem tại sao chúng hành động như vậy. Rốt cuộc, chị thấy được rằng, khi chúng học lớp 2, giáo viên đứng lớp đã làm cho chúng tin rằng, chúng không phải là học sinh "tốt." Chúng tin rằng, chúng sẽ không bao giờ có thể đạt được điều gì, bởi thế mà chúng không cố gắng. Chúng trở thành những kẻ thất bại và vô kỷ luật mà chúng "bắt buộc phải như thế," bất chấp những nỗ lực của chúng.

Chị Nancy thương cảm các học sinh của mình. Chị nhận thấy chúng "đáng thương hơn đáng trách." Và với lòng nhân từ và dịu hiền toát lên từ tác phong của mình, chị đã giúp các học sinh ý thức về lòng tự trọng và sự đoàn kết trong lớp, nhờ đó mà việc học vấn và hạnh kiểm của chúng thay đổi hoàn toàn. Chị đã giải thoát các học sinh của mình khỏi nỗi lo sợ thất bại và làm cho chúng được tự do.

Mẫu thức chủ bại[7] là một loại chướng ngại vật đối với nhiều người. Khi còn là một cô bé, Marylin đã tỏ ra khúm núm khi cô trông thấy bố cứ đánh đập mẹ cô. Đúng là cô run sợ khi có mặt cha mình. Hằng đêm, cô căm ghét cha mình, khi ông về nhà say khướt. Đáng tiếc là những gì cô trông thấy trong gia đình mình, đã làm cho cô có một hình ảnh nhất định về đời sống gia đình. Cô đã kết hôn với *một hạng người như cha mình,* và 30 năm trong đời sống hôn nhân là những chuỗi ngày sống trong hỏa ngục.

Cô nói: "Tôi biết mình dại dột khi phải chịu đựng một cuộc sống như vậy. Nhiều người khuyên tôi ly thân chồng tôi, nhưng tôi không thể! Tôi biết họ nói đúng, thế nhưng tôi lại không thể. Tôi không biết phải làm thế nào nữa!"

Hầu chắc là có một vài chướng ngại vật gây bực bội như nghiện rượu hay ma túy. Theo tôi nghĩ, mỗi ly rượu là một chiếc đinh đóng vào cỗ quan tài tương quan. Tôi đang làm cho gia đình và bạn bè đau khổ khôn xiết. Tôi không thích điều đó! Thế mà tôi cứ bị thôi thúc phải với tay ra mà rót một ly.

Tôi biết rằng, khi tôi bắt đầu nghiện ma túy, thì tôi đang bước đi trên một con đường xuống dốc, xa rời gia đình và cuộc sống. Tôi biết rằng, tôi sẽ phải tăng liều lượng ma túy cho tới mức không thể quay trở lại và sẽ trở thành một con nghiện lần bước trong ngõ tối. Thế mà tôi cứ mua một gói ma túy nho nhỏ, rồi hối hả về nhà để chích. Tôi không có tự do.

Trong nhiều trường hợp, chướng ngại vật chính là việc tôi không có khả năng tỏ lòng thương xót đối với mình. Tôi bị ngã và bị thương vì lướt ván. Tôi cảm thấy đau đớn và khó chịu vì sự vụng về của mình. Thế nhưng tôi không thể tỏ ra dịu dàng, hay tỏ lòng thương xót đối với mình. Trái lại, tôi tự khiển trách. Đó là một "sai lầm ngớ ngẩn" khi lướt ván.

Nếu có ai bị gãy chân, tôi tỏ vẻ thông cảm và ân cần. Anh chàng tội nghiệp! Vết thương quả trầm trọng! Tôi chăm sóc họ từng ly từng tí. Tôi thông cảm với họ, vì họ không thể lướt ván hay đánh gôn trong nhiều tháng trời. Tôi ngừng chơi gôn và ở bên cạnh họ, để họ cảm thấy có bầu có bạn.

Tuy nhiên, khi tôi gãy chân, thì tôi lại tự khiển trách là kẻ ngớ ngẩn vì đã lướt ván một cách ngốc nghếch như thế. Đâu là điều tôi muốn chứng tỏ bằng bất giá nào? Tôi tự rủa mình: "Mày đã cố phô trương, giờ thì phải trả giá!" Tôi tự khiển trách không chút xót thương. Tôi không tha thứ cho mình.

Tệ hơn nữa là tôi không muốn bất cứ ai tỏ lòng thương xót đối với tôi. Khi họ đến với tôi và biểu lộ sự quan tâm ân cần, thì tôi cắt ngang. Tôi nói sang chuyện khác hay nói đùa! Tôi

[7] Self-defeat pattern of behavior. Xem bảng chú dẫn (ND).

không *tự do*! Tôi thiếu tự do trong một lãnh vực rất quan trọng đối với hạnh phúc, đó là phạm vi của sự ân cần và kính trọng đối với bản thân.

Danh sách những hành vi thiếu tự do có thể rất dài. Tôi có đủ tiền để mua một bộ áo mới, thế nhưng tôi không để cho mình "phung phí tiền bạc cho nhu cầu của mình." Tôi có cơ hội đi nghỉ với một nhóm bạn hữu, nhưng tôi có quá nhiều việc phải làm. Tôi cảm thấy quá khó chịu khi nằm phơi nắng dưới ánh mặt trời, trong khi còn quá nhiều việc ở nhà chưa làm xong. Tôi có thể ngủ tới 10 giờ. Chẳng có việc gì phải làm trước 10 giờ, nhưng tôi cứ phải thức dậy lúc 6g30. Ngủ đến 10 giờ quả là một việc dung dưỡng xác thịt!

Mẫu số chung: Thiếu lòng tự trọng[8]

Danh sách những chướng ngại vật hầu như bất tận. Tôi nghĩ rằng, mỗi người chúng ta chỉ cần suy nghĩ một chút là có thể kể thêm những ví dụ khác trong cuộc sống mình. Cuộc sống chúng ta bị cản trở bởi những rào cản, trở ngại và dấu hiệu bế tắc, che khuất một diện tích to lớn của tình yêu, niềm vui, tự biểu hiện và mãn nguyện.

Khi tôi quan sát những hành vi thiếu tự do một cách kỹ lưỡng, thì tôi thấy ngay một mẫu số chung làm nền tảng cho những hành vi ấy. Đó là gốc rễ cơ bản và chính yếu làm phát sinh mọi hành vi thiếu tự do. Gốc rễ ấy chính là nỗi đau tinh thần khi tôi coi thường bản thân và thiếu lòng tự trọng!

Nỗi đau tinh thần là sự đau đớn *đặc trưng* mà tôi cảm nhận, khi tôi thiếu *ý thức bản thân*[9] trên nhiều mặt. Nỗi đau đó phát xuất từ thế giới nội tâm của tôi.

Những nỗi đau khác, trên bình diện thể lý hay cảm xúc, là hậu quả của sự đau đớn tinh thần được thể hiện trong thế giới bên ngoài. Tôi cảm thấy đau đớn trong thân xác, hay tôi cảm thấy đau đớn vì những người liên hệ đến cuộc sống tôi. Có thể là nỗi đau vì mất một người thân, hay vì phải xa cách những nơi và những người mình quý mến. Có thể là nỗi đau khi tôi cảm thấy tức giận, bị xúc phạm hay thất vọng, vì người khác đối xử tệ bạc với tôi. Những nỗi đau ấy phát xuất từ thế giới bên ngoài.

Còn nỗi đau tinh thần là hậu quả của sự buồn phiền bên trong nội tâm. Trong nỗi đau tinh thần, tôi cảm thấy đau đớn về *chính mình*. Tôi cảm nhận nhiều cung bậc khác nhau của cảm xúc khiếp sợ đối với con người của tôi và công việc của tôi. Tôi không thích bản thân mình. Tôi cảm thấy ngớ ngẩn, thấp kém và thiếu khả năng, để đối phó với những vấn đề trong cuộc sống mình. Tôi coi mình là một kẻ "thất bại."

Đôi khi tôi cảm thấy bơ vơ, bị mắc bẫy và không có khả năng điều khiển, hay kiểm soát cuộc đời mình. Khi tôi coi mình là như thế, tôi có cảm tưởng mình chỉ là con rối bị người khác giật dây, và bị thao túng bởi những kỳ vọng và yêu cầu của họ. Tôi là một kẻ "vô danh tiểu tốt!" Tôi bị giam cầm trong ngục thất nội tâm mà hình như tôi không thể thoát ra được.

Không một nỗi đau nào tấn công con người tôi một cách dữ dội cho bằng nỗi đau tinh thần vì căm ghét bản thân. Không nỗi đau nào có khả năng hủy hoại sự mãn nguyện và hạnh phúc của tôi cho bằng việc căm ghét bản thân. Thiếu lòng tự trọng là cốt lõi của mọi chướng ngại vật cản trở tôi sống tự do và phát huy hết năng lực của mình.

Vì nỗi đau tinh thần chạm đến cõi thâm sâu nhất của tôi, nên nỗi đau ấy cướp mất sự tự do nội tâm của tôi. Tôi muốn vươn mình ra để yêu thương, nhưng tôi lại lo sợ. Liệu có ai muốn làm bạn với tôi không? Tôi phải trao ban những gì? Có lẽ người ta tử tế với tôi, bởi vì họ là *người tốt lành,* chứ đâu phải vì tôi đáng yêu! Tôi sẽ làm họ hết sức buồn phiền.

Và làm sao tôi có thể phát huy tài năng của mình? Tôi tin rằng, mình thật sự chẳng có tài năng gì. Mọi nỗ lực trong thế giới học thuật đều kết thúc một cách thảm bại. Tôi xử sự như một thằng ngốc mà thôi! Nếu tôi cảm nghĩ một cách tiêu cực như thế, thì làm sao tránh khỏi việc đổ thêm dầu vào ngọn lửa tự ti của mình được.

Những loại đau khổ khác có thể biến thành kinh nghiệm giúp tôi trưởng thành. Nhờ đau khổ thể lý mà tôi có thể hiểu rõ sự đau đớn của người khác và gia tăng lòng thương cảm đối với họ. Tôi muốn biểu lộ lòng thương cảm khi nói rằng: "Tôi biết bạn đang phải chịu đựng đau đớn. Tôi hết lòng thông cảm với bạn!" Khi tôi cảm thấy đau đớn vì mất đi một người bạn, thì nhờ cảm xúc đau đớn ấy mà tôi có thể kết hiệp với những nỗi đau khổ của Chúa Giêsu và

[8] Xem bảng chú dẫn (ND).
[9] Xem bảng chú dẫn (ND).

ý thức rằng cuộc sống tôi cần đến người bạn ấy như thế nào. Đó có thể là một lưỡi gươm đâm thâu cõi lòng tôi, giúp tôi cầu nguyện sốt sắng và yêu mến Người tha thiết hơn.

Tuy nhiên, nỗi đau khủng khiếp và *khó chữa lành* nhất chính là nỗi đau tinh thần, khi lòng tự trọng của tôi sa sút. Nỗi đau ấy hầu như không thể cứu chữa, bởi vì nỗi đau ấy cướp mất sự tự do nội tâm của tôi. Nếu tôi có được một kinh nghiệm thật sự về việc tôi được chấp nhận và yêu thương, thì đó hẳn là một yếu tố cổ võ lòng tự trọng của mình. Nhưng ở đây, vấn đề là ở chỗ tôi không có được kinh nghiệm ấy. Vì tôi không có lòng tự trọng trước, nên tôi gặp phải một rào cản khổng lồ, khiến tôi không thể cảm nghiệm mình được chấp nhận và yêu thương. Đó là một vòng luẩn quẩn! Bạn đưa ra nhiều dấu hiệu chứng tỏ là bạn yêu thương tôi, nhưng tôi lại không thể tin điều đó, tôi không thể chấp nhận hay để cho tình yêu của bạn sưởi ấm tâm hồn tôi. Tôi thâm tín rằng, có lẽ tôi không có giá trị gì, nên bạn không thể nào yêu thương tôi được! Nếu bạn yêu thương tôi, bạn sẽ thấy tôi là một người hoàn toàn thất bại.

Mục đích của tập sách

Những hành vi thiếu tự do thì rất nhiều, và những hành vi ấy cũng áp đặt trên cuộc sống tôi những hạn chế tai hại đối với niềm hạnh phúc và sự mãn nguyện của tôi. Tất cả những hành vi thiếu tự do, ít nữa là những chướng ngại vật bên trong nội tâm, hầu như bắt nguồn từ nơi đây, từ nỗi đau tinh thần khi tôi chán ghét bản thân mình.

Do vậy, hành trình tự do phải khởi đi từ đây: Tôi cần tìm hiểu nỗi đau tinh thần của mình và nỗi đau ấy phát sinh từ nơi nào; tại sao nỗi đau ấy cầm giữ tôi một cách chặt chẽ đến như vậy? Tôi có thể làm gì để vượt qua nỗi đau ấy, mà tìm lại và nâng cao hình ảnh đích thật của mình? "Bạn sẽ biết sự thật, và sự thật sẽ giải thoát bạn." Một khi tôi nhìn thấy mình như Thiên Chúa nhìn thấy tôi là một con người có giá trị đích thật, bấy giờ tôi sẽ có một lòng tự trọng mỹ miều. Rồi tôi sẽ được tự do. Hành trình tự do là con đường của lòng tự trọng, đó là một hành trình đức tin.

Chị em Clara Quận 9, chúng con xin kính chào cha Giám Tỉnh, và toàn thể các thành viên trong đại gia đình Phan Sinh. Nhờ lời cầu bầu của Đức Mẹ Vô Nhiễm, Cha Thánh Phanxicoo, Mẹ Thánh Clara, xin kính chúc tất cả anh chị em lời chúc bình an và thiện hảo trong Thiên Chúa Ba Ngôi Chí Thánh.

Theo thông lệ, hàng năm đến ngày 11/8, ngày đại lễ Mẹ Thánh Clara, chị em chúng con hân hoan đón tiếp mọi người yêu mến Mẹ Thánh Clara, từ khắp nơi về tham dự Thánh lễ cử hành vào lúc 8g30 sáng, do cha Giám Tỉnh chủ tế, giảng lễ cùng với 9 cha đồng tế.

Buổi chiều, thánh lễ cử hành vào lúc 16g00, do cha xứ Thánh Linh chủ tế, giảng lễ cùng với 2 cha đồng tế.

Hai ca đoàn giáo xứ Thánh Linh đã nhiệt tình đóng góp lời ca tiếng hát giúp cho hai thánh lễ thêm phần sốt sắng trang trọng. Đặc biệt năm nay, chúng con vui mừng đón tiếp một số người ngoài công giáo đến tham dự thánh lễ. Họ đã gặp gỡ chúng con sau thánh lễ, chia sẻ niềm vui và bày tỏ tâm tình yêu mến, ngưỡng mộ Mẹ Thánh Clara, và khích lệ chúng con tiếp tục noi gương đời sống của Mẹ Thánh Clara trong thời đại hôm nay.

Chúng con xin mạn phép chia sẻ bài viết của một người trong số họ, đã gửi tới chúng con, tuy chúng con chưa đạt được những gì như họ cảm nhận.

Xin anh chị em thêm lời cầu nguyện để chúng con mỗi ngày một trở nên những người con sống đúng theo linh đạo của Mẹ Thánh Clara và là chứng nhan Tin mừng Tình yêu của Chúa Giê-su Kitô, Đấng giàu có đã trở nên nghèo khó vì yêu thương chúng ta.

ÁNH SÁNG THÁNH CLARA ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN CỦA MỘT NGƯỜI NGOẠI ĐẠO

Sự hiện hữu của mỗi con người trong cuộc đời này quả là một sự màu nhiệm. Và lần đầu tiên trong cuộc đời mình tôi phải thốt lên: Thật là một phép lạ! Một sự huyền nhiệm! mà nói theo các Sr đó là ý Chúa, đó là sự sắp đặt trong chương trình của Chúa bởi Chúa biết hết mọi sự. Khi tôi – một kẻ ngoại đạo – lại có được những giây phút, những khoảnh khắc quý báu và hạnh phúc vô cùng được sống, được cảm nghiệm và chứng thực những điều mà đối với tôi là tinh khôi nhất, đáng quý nhất ở một nơi đơn sơ, mộc mạc đến ngỡ ngàng – Đan viện Clara. Tôi thực sự như lạc vào một cõi khác – tựa hồ là Thiên Đường nơi trần gian.

Vừa mới cầm bút để viết những dòng cảm nhận từ tận đáy lòng mình đã có biết bao hình ảnh tươi đẹp về Đan viện hiện ra, ùa về tràn đầy như một luồng ánh sáng lạ kì soi chiếu trái tim tôi. Dù tâm trí tôi vẫn còn vẹn nguyên những cảm xúc, những ấn tượng, những suy tư mà tôi biết không thể nào và không bao giờ phai mờ được về các nữ tu dòng kín Đan viện Clara nhưng những cảm xúc trong tôi lúc này thật khó để diễn tả thành lời hay bằng câu chữ được. Có lẽ, không chỉ riêng tôi mà bất kì ai ở ngoài đời, nhất là những ai quen với nhịp sống hiện đại, quen với những thứ tiện nghi, quen với sự đầy đủ vật chất, tất cả…tất cả những ai chưa một lần mường tượng ra một thế giới khác thế giới họ đang sống sẽ không khỏi bất ngờ, sửng sốt và cảm phục khi chứng kiến cuộc sống của các Sr nơi đây. Một cuộc sống tĩnh lặng và bình dị, một cuộc sống mà thiết nghĩ từ cổ chí kim, từ đông sang tây, từ khởi nguyên của loài người đến nay vẫn hướng tới: đó là một cuộc sống mà con người bước đi trong sự yêu thương, mỗi người được sống là chính mình với những khát khao từ trong sâu thẳm về một tình yêu duy nhất cho một Người mà cũng là cho cả nhân loại. Nơi ấy chỉ tôn thờ một Đấng tối cao duy nhất, con người và cỏ cây hoa lá sống chan hòa và tha thiết yêu thương trong tình chị em, hoàn toàn không còn sự phân biệt, cách trở. Như hiểu được mong ước ấy, Đan viện Clara đã biến tất cả thành hiện thực, các Sr đã hi sinh cả cuộc đời mình để bảo chứng cho loài người thấy rằng có một thế giới như vậy thật. Một thế giới mà của cải vật chất chỉ là thứ yếu nếu không muốn nói sẽ chỉ là hư vinh, sẽ tan biến như bọt biển. Chắc hẳn không ít người kinh ngạc khi giữa thế kỉ XXI – thế kỉ của công nghệ hiện đại bậc nhất, của sự bùng nổ hàng loạt những hệ thống tiện ích, thế kỉ mà con

người ngày càng sống nhanh, sống gấp, sống vội với biết bao toan tính nhằm đạt được cuộc sống giàu sang, phú quý, được sử dụng những phương tiện hiện đại, đẳng cấp nhất, được phỉ chí thỏa mãn những nhu cầu cá nhân…thì vẫn hiện hữu một cuộc sống nằm ngoài vòng danh lợi đời thường ấy của xã hội – một sự sống đã được bắt nguồn và hình thành cách đây từ hơn 800 năm nhờ ơn của Thánh nữ CLARA - một cuộc sống thanh tịnh, thinh lặng trong nghèo khó, một cuộc sống mà "Sớm tối trí con tựa ơn Người / Đêm ngày hồn con vương ý Chúa.". Một cuộc sống mà bất kì ai khi vừa đặt chân đến phía xa ngoài cổng Đan viện đã muốn từ bỏ tất cả những bộn bề lo toan hàng ngày, muốn rũ sạch bụi trần, để lại những muộn phiền phía sau cảnh cổng uy nghi mà thân thương ấy, để chỉ còn một lòng thiện tâm hướng về Chúa. Càng bước vào sâu trong Đan viện tâm hồn mỗi người càng được thanh lọc, càng cảm thấy bình an đến lạ thường không chỉ bởi những nụ cười hiền hậu, những ánh mắt sáng trong dịu dàng, những cử chỉ quan tâm yêu thương chân thành của những tâm hồn thánh thiện đến vô ngần của các Sr nơi đây mà còn bởi khung cảnh của Đan viện. Tất cả được bao trùm bởi một nàu nâu trầm nổi bật– màu biểu trưng cho sự khó nghèo mà rất đỗi thanh cao – hòa lẫn với màu xanh của cỏ cây và được điểm xuyết bởi những bông hoa nhỏ xinh rực rỡ - Bình An! Lặng đứng ngắm nhìn Đan viện! tôi chợt nhận ra một điều thú vị rằng: hình như tất cả các cây lớn lâu năm ở nhà Sr đều được quấn quanh thân mình bởi những nhánh hoa lan nhỏ vàng lấp lánh bám chặt lấy nhau. Trong ý nghĩ của tôi thoáng hiện ra một hình ảnh liên tưởng đặc biệt: phải chăng vì Tình Chúa, tình chị em nơi Đan viện quá đỗi bền chặt nên muôn loài cũng cảm nhận được và cùng được sống trong Hồng ân của Ngài. Và phải chăng cây thông, hay cây hoa ngọc lan cổ thụ tròn xoe tán ấy chính là một phần hóa thân hiện hữu của Đức Chúa Trời, của Mẹ Maria đồng trinh, của Thánh Clara bổn mạng, còn những nhánh hoa lan nhỏ xinh kia chính là các Sr! Và nghĩ một cách đơn sơ hơn, ít nhất đấy cũng là hình ảnh cảm thấu tượng trưng cho tình chị em của Sr Bề Trên với các chị em khác trong dòng. Hơn lúc nào hết tôi thấy Sr Bề Trên là quan trọng vô cùng – Sr Bề Trên như ngọn đèn soi sáng, dẫn lối, nâng bước và che chở cho tất cả. Tôi hiểu được rằng ý nghĩa cuộc sống đôi khi nằm trong những điều bình dị nhất và rằng thời gian sẽ xóa nhòa, cuốn trôi, vùi lấp tất cả những gì thuộc về phần xác, về vật chất, những gì là hữu hình. Chỉ còn lại phần hồn, chỉ có những thần khí tinh anh là bất diệt và tôi thực sự cảm thấy Thần khí ấy nơi đây. Thần khí ấy hiện diện tỏa khắp tràn đầy trong Đan viện, trong từng chiếc lá, ngọn cỏ. Dẫu chỉ là trong khoảng thời gian ngắn ngủi được gặp các Sr và sống trong khung cảnh yên bình ấy nhưng cũng đủ giúp tôi – một kẻ ngoại đạo tỉnh thức được nhiều điều. Chưa bao giờ như lúc này tôi có niềm tin chắc chắn và xác tín rằng có Nước Trời, có một Thiên Đàng thực sự mà hơn ai hết các Sr Đan viện Clara là người xứng đáng nhất bởi Chúa đã nói: "Phúc thay ai có tinh thần nghèo khó vì Nước Trời là của họ." Qua lời trò chuyện, chia sẻ chân tình của các Sr tôi cũng nhận ra rằng không mấy ai trong cuộc đời này thực sự hiểu được chữ Yêu và càng ít người biết Yêu cho đúng cách. Bởi Yêu không phải là vị kỉ, càng không phải là chuyện dễ dàng trong một sớm một chiều. "Yêu là hi sinh tất cả. Yêu là cho đi tất cả và Yêu là tin tưởng tất cả.". Hiểu được điều này hơn ai hết các Sr Đan viện Clara– những trinh nữ thanh khiết và cao quý nhưng khiêm hạ vô cùng, đã thể hiện và khẳng định một Tình Yêu tuyệt đẹp, trọn vẹn và tận hiến dành cho Chúa. Một tình yêu say mê, bất diệt nhưng thầm lặng dành cho Ngài và cho cả nhân loại, cho muôn loài và cho vạn vật. Cũng bởi Tình Yêu đại đồng ấy, mà các Sr đã quyết định dấn thân đến cùng để đáp trả Ơn gọi của Chúa, đã không ngần ngại, đắn đo từ bỏ tất cả những gì là ngoài mình, thậm chí là chấp nhận rời xa cả một gia đình đầy yêu thương nơi ấy có bố mẹ, luôn ủ bọc lấy mình để đi theo tiếng gọi phát xuất từ trái tim – tiếng gọi Tình yêu của Thiên Chúa – tiếng gọi từ Ánh sáng diệu kì của Thánh nữ Clara để được sống trong một đại gia đình mà mọi người vốn xa lạ nay hóa tình chị em, nơi mọi người dường như được sinh ra là để cho nhau. Mặc dù trong thâm tâm các Sr luôn biết rằng con đường mình đi không ít những khó khăn thử thách, gian truân và đầy chông gai bởi biết bao những áp lực về tinh thần và cả những âu lo tất yếu cho một cuộc sống mà không những các Sr phải lo hết mọi việc cho mình mà còn lo cho cả người khác nữa. Đã vậy lại không mấy ai thực sự thấu hiểu được hành động dấn thân đầy cảm phục, sự lựa chọn đi một con đường mà có lẽ người thường

khó lòng làm được của các Sr, kể cả những người Công giáo hay những người ngoại đạo. Đa phần chỉ biết đặt ra vô số những câu hỏi tại sao? những thắc mắc, thậm chí là những phản ứng, những lời nói cực đoan. Nhưng tôi nghĩ và tin rằng khi đứng trước những phản ứng ấy các Sr sẽ chỉ mỉm cười hiền dịu. Vì "Cười là dấu chỉ nói lên rằng Thiên Chúa tốt lành. Cười là nói với Ngài rằng: Vâng, ách của Chúa êm ái và gánh của Chúa nhẹ nhàng.". Và bởi các Sr nhận chân được rằng: "Tự do là ung dung trong ràng buộc. Hạnh phúc là tự tại giữa khổ đau." Thế nên, âm vang lên sau những giờ thinh lặng là những tiếng cười hồn nhiên giòn tan. Tôi nghĩ các Sr cũng là người am tường và hiểu thấu đáo về giá trị của sự sống và cái chết. Bởi đời người ta chỉ sống có một lần và rồi ai cũng phải chết. Nên phải sống sao cho khỏi xót xa, tủi hổ vì những năm tháng đã qua. Phải chăng bởi thế mà các Sr đã dâng trọn đời mình trong thinh lặng để cầu nguyện và chiêm niệm lời Chúa.

Có lẽ, "**T**hinh lặng là cách nói hữu hiệu nhất" nên con xin phép được học theo các Sr tạm gác đôi lời cảm nhận của mình ở đây, để tiếp tục cảm nghiệm đời sống thanh tịnh của các Sr bằng trái tim và sự hiểu biết nhỏ bé của mình. Lời cuối con chỉ xin: "Cầu cho cuộc sống mai sau, sẽ nồng ấm niềm vui cho bạn. Như chính tấm lòng bạn nồng hậu lẫn ân cần."

Chúng con xin khép lại trang Clara với tuần tĩnh tâm năm từ ngày 17 đến ngày 25/08/2013. Chúng con xin tri ân tất cả trong kinh nguyện hàng ngày, và xin anh chi em cũng nhớ đến chúng con trong lời cầu nguyện, để nhờ ơn Chúa, mỗi người đều sống trọn vẹn ơn kêu gọi mà Thiên chúa tặng ban.

HỒNG ÂN TIẾP NỐI HỒNG ÂN

Người đưa tin: Phạm Tuyết và Ngọc Lan, fmm.

Đến hẹn lại lên, chị em FMM chúng em xin được sẻ chia những ân huệ dồi dào Thiên Chúa thương ban cho chúng ta mỗi ngày… Lần chia sẻ này, chị em không biết diễn tả sao cho hết niềm vui vì "Hồng Ân nối tiếp Hồng Ân" Thiên Chúa ban cho Tỉnh dòng trong thời gian đặc biệt vừa qua…

Với ba tháng hè, các chị em từ Tiền tập sinh, Tập Sinh, Khấn Tạm, cho đến Khấn trọn trẻ, nhất là Ban Huấn luyện và Ban Quản trị Tỉnh dòng đều được "nghỉ ngơi" bằng các khoá bồi

dưỡng với Sr Cynthia. Đúng là "kỳ nghỉ" đầy thú vị và đặc biệt. Bởi khi nói đến kỳ nghỉ, người ta thường hình dung ra những buổi dã ngoại, vui chơi, thư giãn không làm gì cả, nhưng riêng đối với kỳ hè năm nay, mỗi chị em đều có cơ hội đổi mới xác – hồn và nghỉ ngơi trong Chúa qua sự hướng dẫn của Sr Cynthia, khiến ai nấy đều được hân hoan, tăng trưởng trong tương quan với Chúa và với chị em.

Qua chương trình bồi dưỡng đặc biệt này, ai ai cũng đều có những cảm nghiệm mới và cùng đi vào một hướng chung của tiến trình sống thiêng liêng trong đời dâng hiến. Có lẽ trong thời đại mà con người đang háo hức tìm kiếm những sáng tạo và giá trị ảo trong tâm lý hưởng thụ về mặt vật chất bên ngoài: thành công, bằng cấp, danh vọng... đến độ bất chấp mọi thủ đoạn dối trá, tranh giành, tham nhũng... thì họ đang làm giảm đi phẩm chất cao quý của nhân phẩm mà Thiên Chúa tặng ban. Trong khi đó chị em lại được hướng dẫn tìm kiếm một hành trình thiêng liêng đi ngược lại, đó là lột bỏ dần những căn tính giả, đi vào nội tâm sâu xa của chính mình, để tìm lại thế quân bình của đời sống tâm lý lành mạnh, và xây dựng lại đời

sống thiêng liêng có Chúa hiện diện một cách tròn đầy.

Chị em cùng chọn hướng suy gẫm Tin Mừng nhập vai, để từ lối suy gẫm này, chị em đi vào cuộc đối thoại với Chúa, được thấm nhuần Lời Chúa và thực hành những gì Chúa mời gọi. Chị em cùng mở ra đón nhận những chia sẻ và góp ý xây dựng cho nhau trong cộng đoàn với một cách thức mới. Cách thức này đòi hỏi mỗi chị em cởi mở chia sẻ, cũng như khiêm tốn đón nhận những phản hồi tích cực lẫn tiêu cực trong bầu khí huynh đệ. Chị em đều có chung một cảm nghiệm và một quyết tâm "sống căn tính thật của mình", đó chính là sống chân thực, biết tìm kiếm Chúa trong các lựa chọn của mình - nghĩa là chọn một lối sống có biện biệt để nhận ra những gì Chúa đang mời gọi và đem ra thực hành trong đời sống. Việc sống luật lúc này không phải là hình thức vì bề trên bảo hay vì thói quen phải giữ, nhưng là chọn lựa tự nguyện do những động lực bên trong, xuất phát từ lòng yêu mến Chúa.

Sống căn tính thật, là tôi biết can đảm lên tiếng khi có những gì không phù hợp với Tin Mừng và với luật dòng, dẫu biết rằng điều đó có thể mang lại cho tôi thập giá. Căn tính thật không làm tôi so sánh hơn thua với người khác về năng lực, bằng cấp, không chạy theo những gì là hào nhoáng, chóng qua bên ngoài, nhưng dạy tôi sống khiêm nhường, hèn mọn và quảng đại trong tình huynh đệ, tình gia đình với chị em và với mọi người. Sống căn tính thật là biết chấp nhận giới hạn của mình, biết nhìn nhận những điểm mạnh, điểm yếu nơi mình, biết quản lý các cảm xúc tiêu cực của mình, nhận ra những tổn thương và biết cởi mở để được chữa lành. Đồng thời biết khám phá ra những giá trị của bản thân để sống trọn vẹn nén vàng Chúa trao.

Đặc biệt, ngược với lối quản trị xưa nay theo hình tháp "bề trên nói, tôi vâng lời làm theo", cho dù phải làm một cách miễn cưỡng...

nay chị em được giúp về cách quản trị của những người môn đệ theo hình bánh xe: trong cộng đoàn chị em cùng suy nghĩ, cùng chia sẻ, cùng đóng góp với tinh thần lắng nghe, tôn trọng rồi đi đến một quyết định phù hợp với Tin Mừng và tinh thần Hội Dòng. Với lối quản trị này, chị em ý thức trách nhiệm cá nhân, tích cực xây dựng cộng đoàn, không làm vì vâng lời hay kiểu "ai sao tôi vậy"...! Vì thế rất đòi hỏi mỗi người chọn sống sứ mạng đời tu FMM và đảm nhận các sứ vụ trong mọi lãnh vực. Tất cả những điều đó giúp chị em ý thức mình đang ở giai đoạn nào trong hành trình tâm linh, và được tăng trưởng qua thái độ sống nghiêm túc hơn. Đây là hồng ân lớn nhất của Tỉnh Dòng trong thời gian qua.

Nối tiếp là hồng ân lớn lao của ngày vĩnh khấn. Bởi vì, "*Tiếng gọi của Thiên Chúa là một hồng ân nhưng không của tình yêu, kêu mời chúng ta dấn bước theo Đức Kitô, để cho Người chiếm đoạt và để chúng ta được bén rễ sâu trong mầu nhiệm của Ngài"(HP 49)*. Với niềm tín thác vào tình yêu Thiên Chúa, vào ngày 03 tháng 08 năm 2013, Tỉnh dòng Việt Nam đã có 5 chị cam kết vĩnh viễn trong Hội Dòng và 3 chị mừng 25 năm tu dòng. Đây là hoa trái của tình thương Chúa

ban cho Hội Dòng và cách riêng tỉnh dòng Việt Nam.

Cha Phó Giám tỉnh OFM, cha Bề trên cộng đoàn Du Sinh, cha Phi Khanh Khởi và nhiều anh em đã hiện diện đồng tế trong thánh lễ. Trong 5 chị vĩnh khấn, có 3 chị được Bề Trên Tổng Quyền sai đi truyền giáo tại 3 Tỉnh Dòng trên thế giới là : Tỉnh Dòng Anh-Ái Nhĩ Lan-Malta, Tỉnh Dòng Kenya-Etiophia và Tỉnh Dòng Philippines. Còn 2 chị được sai đến phục vụ tại Tỉnh dòng Việt Nam. Như Đức Maria, các đã chị sẵn sàng sống tiếng xin vâng trong sứ vụ truyền giáo ngoài biên thùy cũng như sẵn sàng ở lại đất nước của mình để phục vụ cho công cuộc Phúc Âm Hoá.

Cũng phải kể đến dịp Lễ Khấn Lần đầu của 11 chị em tại Nha Trang vào ngày 13/6/2013. Các chị em đã được sai đến dấn thân phục vụ cho công cuộc Phúc âm hóa tại các cộng đoàn: 7 Thánh Tử Đạo, Thánh Gia, Thánh Phanxicô, Thánh Giuse, Chúa Hài Đồng, Hiển Linh, Thánh Tâm và Chân Phước Assunta kể từ đầu tháng 7/2013. Với ơn Chúa, chắc hẳn các Tân Khấn Sinh sẽ luôn tìm được niềm hạnh phúc đích thực trong sứ vụ tại cộng đoàn mới cũng như trong suốt cuộc đời thánh hiến của mình.

Ngoài những khóa bồi dưỡng và các dịp lễ, chị em còn có những khóa tĩnh tâm năm theo từng nhóm tại Mai Thôn, Qui Hòa và Dalat để tiếp tục đào sâu và củng cố tiến trình thiêng liêng của mình, bằng những ngày giờ thong dong thân tình bên Chúa. Ước mong sau đó chị em trở lại với những sứ vụ của mình với một niềm hăng say mới, trong tâm tình cảm tạ và tri ân Thiên Chúa vì nhận ra bao ân huệ và tình thương của Ngài…

Mẹ Sáng Lập Marie de la Passion có nói "Tất cả là hồng ân". Mỗi ngày sống của chúng ta là một hồng ân, ngày này nối kết ngày kia như những mắt xích... Chúng ta lãnh nhận biết bao hồng ân mỗi ngày, thế nhưng đôi khi chúng ta dễ quên, dễ coi thường hay thờ ơ với những hồng ân đó. Vì khi ta nhận ra đó là những "hồng ân" thì cuộc sống ta sẽ hoàn toàn thay đổi. Như với người phụ nữ Samaria, Chúa nói, "*Nếu chị nhận biết ân huệ của Thiên Chúa…*" (Ga 4,10). Chị em cũng xin ơn biết khiêm tốn nhìn nhận sự yếu đuối của mình và quyết tâm xin Chúa trợ lực để được biến đổi với niềm xác tín rằng: "*Với Đấng ban sức mạnh cho tôi, tôi có thể làm được hết*" (Pl 4,13)…

Duns Scotus, nhà lý luận tinh vi.

Alexis Trần Đức Hải ofm

Trong cuộc sống, có thể nói định luật nhân quả là định luật được dùng cách phổ biến hơn cả. Tại sao có con? Bởi vì có cha! Cha từ đâu đến? Cha do ông! Ông do ông Cố..v.v…Có quả thì có nhân…Dựa vào lý luận nhân quả này, con người có thể đi đến kết luận có một nguyên nhân cuối cùng, bởi vì người ta không thể lý luận thối lùi cách vô cùng tận: phải có một khởi đầu cho mọi khởi đầu. Trong triết học, thánh Tôma cũng đã dựa vào định luật này để minh chứng sự hiện hữu của Thiên Chúa.[10]

Tuy nhiên, cái mà "tất cả mọi người đều gọi là Thiên Chúa" đó, -nói theo kiểu của thánh Tôma,- không tránh khỏi thắc mắc căn bản sau đây, đã được triết gia hiện sinh nổi tiếng, Martin Heidegger, nêu lên: "'Tại sao lại "có cái gì", chớ không phải "không có cái gì"?'[11] Trong trường hợp chúng ta đang bàn ở đây, có thể diễn tả vấn đề theo cách sau: "Tại sao có cái gọi là Thiên Chúa?' "Cái gọi là Thiên Chúa này, trên bình diện siêu hình, có lý do đủ để hiện hữu không?"

Câu hỏi của Heidegger bao hàm không chỉ ***tính khả thể*** của sự vật - nghĩa là, một vật có thể hiện hữu,- mà còn bao hàm ***thực tại của cái có thể*** nữa, -nghĩa là, có một thực tại hiện hữu là nguồn gốc cho cái có thể.-

Cũng như các thần học gia khác của thời kỳ Trung cổ, Duns Scotus đã trả lời câu hỏi trên của Heidegger một cách rất đơn giản như sau:

Có cái gì, -*và trong thực tế có cái này cái nọ*,- bởi vì **Thiên Chúa hiện hữu**, và , -*giữa muôn vàn khả thể khác nhau*,- **Người đã tự do chọn lựa tạo dựng nên vũ trụ này**. Hữu thể thần linh này là nguyên nhân cuối cùng mà, nếu không có nó, sẽ không có gì hiện hữu. Trên bình diện luận lý, sự hiện hữu này của Thiên Chúa trở thành một cái gì tất yếu, cần thiết –*sine qua non*- cho sự hiện hữu của một vật.[12]

Chúng ta thử tóm lược các giai đoạn Scotus dùng trong lý luận, để chứng minh sự hiện hữu của một nguyên nhân tác thành đệ nhất, - được gọi là Thiên Chúa,- khởi từ ***tính khả thể của sự vật hiện hữu***, đi vào trong lãnh vực của tính tất yếu siêu hình, để rồi kết luận rằng sự hiện hữu của một nguyên nhân như thế thì thiết yếu và hoàn toàn hợp lý.

I. Scotus bắt đầu quy trình chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa bằng việc khẳng định: ***Có định luật nhân quả***.

Sự khẳng định sự tồn tại của định luật này không phải là kết quả của một kinh nghiệm trực tiếp, thực nghiệm (v/d: thấy người con, suy ra có người cha…), nhưng là ***kết quả của sự phân tích của lý trí về các khả thể luận lý***:[13] Scotus luận chứng điều này như sau:

A. Trong thực tế, có hai khả thể được áp dụng cho *Tất cả những gì hiện hữu (=những gì là),* và *tất cả những gì có thể hiện hữu* (= *tất cả những gì có thể là*). Hai khả thể này là:

a/ *hoặc* hiện hữu một cách vĩnh cửu, *hoặc* không vĩnh cữu (=tạm thời)

b/ *hoặc* bị tạo nên, *hoặc* không bị tạo nên

[10] Qc. "Năm con đường," "Ngũ lộ" hoặc năm chứng cớ của thánh Tôma là một sự giải thích các lời trong sách *Khôn Ngoan* (ch.13) và các lời của thánh Phaolô trong thư gởi tín hữu *Rôma* (ch.I): Thiên Chúa có thể được nhận biết từ các công trình của Người, như siêu vượt các công trình của Người. Chúng ta không biết Thiên Chúa một cách trực tiếp vì lý do mọi nhận thức của chúng ta đều bắt nguồn từ trực giác khả giác. Nhưng khởi đi từ trực giác này, chúng ta có thể nâng mình lên cùng Thiên Chúa, như đi từ tác phẩm nghệ thuật đến người thợ, từ hậu quả lên đến nguyên nhân.

[11] Martin Heidegger: "*Why there is something than nothing*?"

[12] "Scotus xác tín rằng lý trí con người, trong lãnh vực của khoa siêu hình, có thể chứng minh rất nhiều điều liên quan đến Thiên Chúa, kể cả duy nhất tính của Người, và rằng lãnh vực này là lãnh vực được khảo sát một cách phong phú hơn cả trong chiều kích bản thể của nó, đặc biệt qua việc khảo sát quá trình diễn dịch các thuộc tính của hiện hữu." Robert P. Prentice, "*The basic quidditative metaphysics of Duns Scotus as seen in his De Primo Principio*." (Roma 1977; PAA - Edizioni Antonianum),10

[13] Phương pháp phân tích trong trật tự luận lý này đã từng được Richard de Saint Victor ứng dụng, x. Richard of St. Victor, *De Trinitate*, I, S (PL 196; 894).

B. Gom các yếu tố ở trong a/ và b/ lại, chúng ta có 04 trường hợp như sau:

(1). Một hữu thể vĩnh cửu có một nguyên nhân (=bị tạo nên)

(2). Một hữu thể vĩnh cửu không có một nguyên nhân (=không bị tạo nên)

(3). Một hữu thể không vĩnh cửu (= tạm thời) có một nguyên nhân (bị tạo nên)

(4). Một hữu thể không vĩnh cửu (= tạm thời) không có nguyên nhân (=không bị tạo nên)

Trong bốn khả thể này, khả thể thứ tư (4): *Một hữu thể không vĩnh cửu (= tạm thời) không có nguyên nhân* là khả thể không hợp lý! Bởi vì đã là tạm thời, nghĩa là không tự mình mà có, thì phải có nguyên nhân!

Từ phân tích trên, chúng ta rút ra nhận xét: lý trí con người thấy được trước (anticipate) tính nhân quả của các hữu thể, của các sự vật thông qua những chuỗi sự kiện mà nó nhận thấy trong thế giới con người đang sống. Khi một sự việc xảy ra, chúng ta thừa nhận, một cách tự nhiên, sự hiện hữu của các nguyên nhân tạo nên sự kiện, ***kể cả khi chúng ta không biết các nguyên nhân này là gì!***

II. Bước thứ hai: ***chứng minh có một hữu thể vĩnh cửu không có nguyên nhân***, tức là khả thể thứ hai.

Để chứng minh điều trên, Scotus đã vận dụng đến trật tự của khả thể tính nhân quả.

a/ Trật tự của khả thể tính:

Aristôte, thánh Tôma và đại đa số các triết-thần học gia khởi đi từ kết quả cụ thể, từ ***thực tại hiện hữu*** để lý luận đến một nguyên nhân cuối cùng không bị tạo thành, nghĩa là không có nguyên nhân.[14] Tuy nhiên, nếu khởi đi từ một thực tại đã hiện hữu như thế, chúng ta chỉ mới chứng minh được là, theo luận lý, có một nguyên nhân cuối cùng không bị tạo thành, và nguyên nhân này, tuy là nguyên nhân cuối cùng, *vẫn còn nằm trong chuỗi, hoặc trong trật tự của những gì hiện hữu*. Diễn tả cách khác, nếu khởi đi từ một hiện hữu trong trật tự vật lý,- trật tự của những cái hiện hữu (*in actu, existens*)- thì, cho dù người ta đạt đến kết luận có một nguyên nhân cuối cùng, nguyên nhân này vẫn còn ở trong trật tự vật lý, chưa bứt ra khỏi trật tự này để đi vào trật tự siêu hình,[15] đi vào trật tự bản thể là trật tự phổ quát chung cho bất kỳ hiện hữu nào xét như là hiện hữu, *ens in quantum ens*.

Chính vì để tránh khỏi ngõ cụt trên mà Scotus, tuy rằng vẫn áp dụng nguyên tắc nhân quả từ kinh nghiệm cuộc sống hằng ngày của chúng ta, và đi từ thực tại hiện hữu, **nhưng đã lý luận theo một hướng khác mang dấu ấn độc đáo của ngài như sau:**

Khởi đi từ một hiện hữu thực tế ngẫu nhiên [x. B. (3) = một hữu thể không vĩnh cửu (= tạm thời) có một nguyên nhân)], ngài bước qua lãnh vực khả thể tính của nó. ***Chính trong trật tự khả thể này mà Scotus đạt đến tính tất yếu luận lý, một thuộc tính của hữu thể xét như là hữu thể***.[16]

"Khả thể không phải là nguyên nhân của hiện hữu: nó hiện hữu ở trong sự hiện hữu của vật đang được bàn đến. "Đây là tất cả tiến trình lý luận của Duns Scotus, tiến trình mà ngài sẽ luôn bám trụ trong phạm vi của lãnh vực « của cái mà chúng tôi gọi theo kiểu của tác giả là: cái "có thể-thực sự" (possible-real), lãnh vực cưu mang thực tại mà không nhất thiết rằng thực tại này phải bị hạn chế chỉ ở thực tế của cái-đang-là (ce-qui-est) »[17]

Lấy một ví dụ: Người con (=A) là một hữu thể không vĩnh cửu, có nguyên nhân là người cha (=B). Vì A là một hữu thể *ngẫu nhiên* đã hiện hữu hiện nay trong thực tế, do đó *hành vi hiện hữu của nó thì "có thể"*. Diễn tả cách khác, bởi vì *A vốn có khả năng hiện hữu*, do đó –dưới tác động của một nguyên nhân khác, bên ngoài nó (= B)- *hiện nay nó hiện hữu*. Lý luận này hợp lý, bởi vì khởi điểm là một thực tại hiện nay có thật (A). Vì một khi một việc đã xảy ra thì nó không còn là "không có thể nữa"! (impossible)[18]

Scotus dùng thuật ngữ sau để diễn đạt điều trên: "*Aliqua est effectibilis; ergo aliqua est effectiva*.- Cái gì đó có thể được sản sinh, và vì thế có cái gì đó có thể sản sinh" (*DPP*. III Concl. I) [19]

[14] Qc. ví dụ "Nguyên động tác nhân bất biến" (Unmoved Mover") của Aristôte.

[15] Siêu hình học là một khoa học về các thuộc tính siêu nghiệm (transcendental) cho phép chúng ta suy luận ra sự hiện hữu của Thiên Chúa

[16] John Duns Scotus, *De Primo Principio*, 3, 6. Các luận chứng trên thực tại hiện hữu (in actu, existens) không thể đi đến được thuộc tính hữu thể này (ontological).

[17] Putallaz, *"Introduction" in Jean Duns Scot, traite du premier Principe*, (Paris : Vrin, 2001).9.

[18] Lưu ý, điều ngược lại: "đi từ khả thể tính qua khẳng định thực tế" thì không hợp lệ! Nói cách khác, bởi vì bây giờ tôi ngồi ở đây, do đó việc tôi ngồi bây giờ ở đây phải là một cái gì có thể cho tôi. Tuy nhiên, chỉ với sự kiện là "có thể" không mà thôi thì không đủ để có thể kết luận là tôi trong thực tế đang ngồi ở đây, bây giờ! Nhiều khi, những điều có thể lại không xảy ra! (x. Luận chứng hữu thể của thánh Anselmô).

[19] Xem bài "Cái gì đó có thể được sản sinh, và vì thế có cái gì đó có thể sản sinh." ("*Aliqua est effectibilis; ergo aliqua est effectiva*" (*DPP*.3 Concl. I) ở *Chia sẻ* tháng10/2012.

Nói tóm, **luận chứng của Scotus *khởi đi từ* lãnh vực thực tế và kinh nghiệm *qua* lãnh vực của các điều kiện siêu hình của khả thể tính**.

Ingham tóm lược rất chính xác phương pháp tiến hành của Scotus như sau:

"Ở đây, ngài không lý luận một cách vật lý, lẫn cả luận lý, nhưng *lý luận cách siêu hình* từ "cái" (what) mang chính trong mình nó ý nghĩa: *có thể được tạo nên*. Đây là lãnh vực của tính di động của cái gì bị di động, của tính khả thể của cái gì có thể. Để đạt tới cái có thể, người ta phải bắt đầu từ cái đang hiện hữu. Lãnh vực vật lý dẫn đến lãnh vực siêu hình, sự kiện của tính có thể tạo ra nhân quả (causability) cho phép người ta suy luận ra thực tại siêu hình của tính nhân quả (causality). Một khi ở trong trật tự nhân quả, người ta có thể biện luận cho nguyên lý đầu tiên."[20]

Sự kiện hiện hữu của một vật tỏ bày cho thấy một vật như thế thì có thể, nghĩa là nó có khả năng hiện hữu (trong một thời điểm nào đó) nếu hội đủ các điều kiện. Bởi vì vật nầy bây giờ hiện hữu, vậy, rõ ràng là các điều kiện thì đầy đủ. Do đó, người ta có thể khẳng định thuộc tính khả thể của vật này và có thể đi vào lãnh vực của những khảo cứu siêu hình về các đặc thù chính yếu của sự vật, cũng như xem xét những đòi hỏi siêu hình thâm sâu hơn, những đòi hỏi cần thiết cho sự hiện hữu thực tế của nó.

b/ Trật tự của tính khả thể nhân quả

Bây giờ chúng ta bước vào trật tự của tính khả thể nhân quả (order of causal possibility). Đây là một trật tự trong đó có những hữu thể có thể là những hậu quả và chúng có tương quan, một cách luận lý (logically), với những hữu thể có thể là những nguyên nhân. Các vật (=hữu thể) khả thể này, vì thế, có thể hình thành một chuỗi các tương quan lệ thuộc mang tính nhân quả với nhau, trong đó mỗi vật thì "có thể được tạo thành, được sản sinh" – chúng ta có thể nói như thế --, và "có thể là vật sản sinh, là nguyên nhân". Tuy nhiên một chuỗi tương quan như thế, tự nó, không biện minh được sự kiện tại sao nó hiện hữu. Nếu chúng ta đi ngược lại chuỗi các nguyên nhân, chúng ta biết rằng nó đòi hỏi sự hiện hữu của một vật đầu tiên -(Đây là kết luận thứ hai của Scotus)-, hoặc, nói cách khác, trên bình diện luận lý, phải có một vật tất yếu ở vào một thời điểm này hoặc thời điểm khác. Đó sẽ là một vật hiện hữu *per se*, tự nó, không có nguyên nhân tạo thành nó. (Đây là kết luận thứ ba của ngài)[21]

Và như Scotus giải thích, người ta có thể tưởng tượng một sợi xích nhân quả, hoặc một chuỗi các hữu thể có thể, vật này tạo vật kế tiếp…tuy nhiên điều này không đủ để giải thích sự hiện hữu của chuỗi hữu thể xét như chuỗi hữu thể, trừ khi ***chính chuỗi này, tự bản thân nó, phải là "tất yếu".*** Nhưng, nếu nó là tất yếu, thì làm sao mỗi một hữu thể ở trong chuỗi hữu thể đó lại chỉ có thể là 'có thể" mà thôi? Những hữu thể có thể, bất kể số lượng của nó nhiều hay ít, không có khả năng sinh ra một hữu thể tất yếu; cọng tất cả chúng lại cũng vẫn không thể sản sinh ra một hữu thể tất yếu! Do đó, phải có một cái gì ở điểm xuất phát của chuỗi tương quan này;[22] cái này là một hữu thể phân biệt với chuỗi hữu thể ở chỗ: nó có thể là một nguyên nhân, một cái gì sản xuất, nhưng không thể bị sản xuất, không thể bị tạo nên, và sự hiện hữu của nó thì không thể bị chối bỏ![23]

Như đã nói ở trên, thay vì khởi đi từ thực tại hiện hữu (*existentia*), Scotus nhấn mạnh đến bản thể của sự vật (*essentia*), vì chỉ khi đi vào trật tự của bản thể[24] như thế, người ta mới có thể đạt đến tính phổ biến (universality) trong phần tinh túy của chính thực tại.

Trật tự bản thể này có ba đặc điểm sau:[25]

1/ nguyên nhân sau lệ thuộc vào nguyên nhân trước trong chính hành vi tạo quả (act of causing)[26]

---

[20] Ingham, *Scotus for Dunce. An introduction to the Subtle Doctor*. (New York: Franciscan Institute Publications- St. Bonaventure University, 2003.), 22.

[21] Kết luận thứ hai: *DPP* 2. 7 ; kết luận thứ ba: *DDP* 3, 16 ; xem Mary Beth Ingham, *Initiation à la pensée de Jean Duns Scot*,(Paris: Editions Franciscaines, 2009), 57 tt.

[22] *DPP* 3, 13

[23] Thánh Bônaventura cũng đã đề cập đến tính tất yếu của một hữu thể tất yếu trong phần nói về ý niệm Hiện hữu trong cuốn "*Itinerarium mentis ad Deum*" của ngài. Xem "*Lộ trình tâm linh lên cùng Thiên Chúa*", bản dịch, dẫn nhập và ghi chú của Norbertô Nguyễn văn Khanh, 2007, trg. 108 tt.

[24] Trật tự bản thể, hoặc trật tự của bản thể là một trật tự bắt nguồn từ chính bởi bản thể, hoặc bởi từ cấu trúc bản thể của một vật, hơn là từ một cái gì đi kèm theo nó: *"Ordo essentialis est per se inter essentias."* Bản thể này hoặc bản chất tinh ròng của các sự vật là đối tượng của lý trí. *Quodlibet* q. 19, n.5; Vives ed. XXVI, 266. "Chúng ta ở trong một trật tự mà người ta có thể gọi là bản thể, bởi vì nó phát xuất từ chính bản thể của những sự vật được xem xét", Vignaux, Métaphysique de l'Exode et l'univocité de l'Etre chez Jean Duns Scot", in *Celui Qui est: interprétations juives et chrétiennes d'Exode 3,14.* A. de Libera and E. Zum Brunn (ed.), (Paris: Cerf. 1986), 111.

[25] *DPP* 3.11,Wolter 228; cũng xem *Ord* I.2.1.1-2, nn. 48-51 (Vatican, 2: 154-55); *Rep*. I. 2.1.1-2, nn. 17-20.

[26] *DPP* 3, 11

2/ cái đi sau thì luôn bất toàn: "Một trật tự bản thể, hoặc trật tự của bản thể thì bao gồm cách tất yếu sự bất toàn ở trong một trong các cực của nó, đó là cái đi sau."[27]

3/ Cái đi trước *phải hiện hữu cùng lúc* (simultaneously) với cái đi sau. [28]

Bởi vì các phần tử được liên kết lại ở trong một trật tự bản thể phải cùng hiện hữu, do đó sự thoái bộ (regress) vô tận và tính chạy vòng (circularity) có thể bị loại trừ.[29] Kết quả của luận chứng từ trật tự bản thể chống lại sự thoái bộ vô tận là: *chí ít, sự hiện hữu của một nguyên nhân tác thành đầu tiên là điều có thể.*

"Khả năng các hậu quả được sản sinh giả thiết khả năng của một nguyên nhân đầu tiên, mà, vì do chính tính ưu tiên của nó, tính nhân quả của nó loại trừ mọi khả năng bị sản sinh; một nguyên nhân đầu tiên và tự nó, vì thế, là có thể (có, hiện hữu)".[30]

Robert Prentice, một chuyên gia về Duns Scotus nhận định rằng trật tự bản thể là chìa khóa then chốt mà vai trò của nó cấu thành nét độc đáo của tác phẩm *De Primo Principio*,

"Người ta có thể có một nhận định sơ khởi ở đây, đó là: việc đặt trọng tâm vào trật tự bản thể, trong một nghĩa dứt khoát và quan trọng, tạo nên tính mới mẻ và tính độc đáo của bản văn… Chính ở ngay trong cách mà học thuyết đã có đang sử dụng mà tính mới mẻ này xuất hiện: mọi cái đều được dùng để minh họa rằng trật tự bản thể thì liên quan đến bản tính và sự hiện hữu của Thiên Chúa." [31]

Một chuyên gia hàng đầu khác về Duns Scotus là Mary B. Ingham, trong cuốn sách nghiên cứu có hệ thống của bà : "*Ethics and Freedom",* đã thêm vào như sau:

"Điều này cho phép Scotus luôn ở lại trong cùng một trật tự hữu thể. Trong hướng này, ngài duy trì một dây liên hệ giữa Đấng Tạo thành và tạo vật…Khoảng cách giữa tạo vật và Đấng Tạo thành có thể là vô cùng, tuy nhiên nó ở trong cùng một trật tự. Trật tự bản thể là trật tự duy nhất cho phép có thể có được sự nối kết thực sự giữa cái đi trước (prior) là Đấng Tạo thành và cái đi sau (posterior) là tạo dựng. Một sáng tạo mới mẻ như thế cho phép Scotus bảo đảm tính chất khoa học trên bình diện bản thể mà không mất đi liên lạc với thực tại. Như thế, ngài làm hòa hợp lãnh vực tính tất yếu và tính ngẫu nhiên, và mở rộng sự mô tả của Aristôte về lãnh vực khoa học (cái tất yếu) để bao gồm thực tại ngẫu nhiên."[32]

Do bởi chuỗi nhân quả siêu hình này trong trật tự bản thể, người ta *không thể giải thích* sự hiện hữu của bất cứ kết quả ngẫu nhiên thực tế nào *mà không cần đến* một "vật", "hữu thể" đầu tiên tất yếu, không thể bị tạo thành, nhưng có thể tạo thành một vật khác, một hữu thể khác. Tuy nhiên, khi đạt đến mức suy tư siêu hình này, chúng ta thấy chỉ có thể có hai khả thể cho "vật", hoặc "hữu thể" đầu tiên này: *sự hiện hữu của nó thì tất yếu, hoặc không thể được.*[33] Bởi vì chúng ta biết rằng đây là một nguyên nhân có thể, do đó, tính bất khả thể bị loại trừ. Như vậy, kết luận còn lại sẽ là: *Nó thì tất yếu* (kết luận thứ năm)[34]

Dựa trên trật tự tác thành[35], Scotus đi đến chỗ khẳng định sự hiện hữu của Thiên Chúa: hữu thể

[27] *Quodlibet* q. 4, n.3; XXV, 151a.

[28] *Ordinatio* II, dist. 1, q.1, n.28; Vat. ed. VII, 15. Trong thời Trung cổ, người ta thích đưa ra hai ví dụ sau: 1/ một bàn tay (có công năng động) chuyển dịch một cây gậy để làm chuyển động một quả banh. 2/ các chuỗi những tương quan cha-con-cháu. Ngược lại với ví dụ thứ nhất trong đó sự chuyển động của bàn tay thì một cách nào đó, đủ để làm quả banh chuyển dịch, ở trong ví dụ thứ hai, các bậc cha mẹ và hành vi sinh con của họ thì đủ để người con hiện hữu, tuy nhiên không đủ để (biện minh) cho các hành vi sinh con của họ: người cha sinh ra người con, tuy nhiên ông nội đâu phải là nguyên nhân sinh ra cháu! Hậu quả là: sự hiện hữu của người cháu cần phải được giải thích xa hơn nữa: "Một người con, đến lượt nó, sinh ra một đứa con cho chính nó, cho dù cha của nó (=ông nội của đứa bé) còn đang sống, hoặc đã chết!" *DPP* 3.14. Wolter. See Aquinas, *ST* I. 46.2 ad 7; Scotus, *Ord*. I.3.3.2, n.496 (Vat. 3: 293-94) Qc. *DPP* III.8. Scotus giải thích sự khác biệt nhau giữa hai loại chuỗi nhân quả này: Chuỗi chiều ngang (horizontal), như các quân cờ đôminô, thuộc về trật tự ngẫu tính (accidental, non essential). Một trật tự như thế, ví dụ cha-con-cháu, nằm trong một liên tục tính thời gian và có thể kéo dài vô cùng tận. Ngược lại, trật tự bản thể là một chuỗi các nguyên nhân đến từ duy một tác động nhân quả đồng thời, và vì thế đây là một chuỗi chiều dọc (vertical).

[29] *DPP* 2.4, Wolter: *"*In quocumque ordine essentiali est circulus impossibilis"; *Ordinatio* IV, dist. 49, q. 3, n. 2; Vives ed.,XXI, 77a; ; see also *ibid*. I dist. 1, n.27; Vat. ed. II, 19 "In quolibet ordine essentiali est status ad aliquid unum"; *Ibid*. dist. 30, n.23; VI, 178. "In nullo ordine essentiali est circulus".

[30] Gilson, *Jean Duns Scot. Introduction a ses positions fondamentales*. (Paris : Librairie philosophique J.Vrin, 2005), 677.

[31] Robert Prentice, *sđd,* 66-7.

[32] Mary Elizabeth Ingham, *Ethics and Freedom*, (Lanham, MD.: University Press of America, 1989), 21-2.

[33] *DPP* 3, 19

[34] *DPP* 3, 21

[35] Sau chứng từ khởi đi từ tính nhân quả tác thành này, Scotus đưa ra những chứng từ song song đi từ tính nhân quả cùng đích (dựa trên cùng đích) và siêu việt (dựa trên tính toàn hảo; như thế Scotus gom lại trong tác phẩm

tất yếu một cách luận lý (logically) là nguyên nhân của tất cả những gì hiện hữu. Hữu thể này là điều kiện cần thiết cho tính khả thể hiện hữu của *bất cứ* vật gì -nói cách tuyệt đối!- Nghĩa là, nếu một hữu thể như thế không hiện hữu, sẽ không có cái gì có thể hiện hữu, không có tôi viết những hàng chữ này, cũng như không có anh/chị đọc những hàng chữ này.

"Như thế, khởi đi từ lãnh vực của tất cả những gì hiện hữu, chúng ta tìm thấy hữu thể hoàn toàn ngẫu nhiên, và như thế, hoàn toàn có thể (ví dụ, tôi)-, để đi đến một kết luận hợp lý là: cần thiết có một hữu thể hoàn toàn tất yếu (thần linh). Tôi hiểu rằng tôi được (bị) nối kết lại với hữu thể tất yếu này do việc tôi lệ thuộc một cách hiện sinh vào nó.[36]

Kết luận:

Cách chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa này của Scotus là một điển hình, cho chúng ta thấy nét đặc thù của con người của ngài: lý luận nặng phần kỹ thuật, tinh tế trong cách dùng các thuật ngữ và ý nghĩa các từ đến nỗi "phải thú nhận rằng, đôi khi bản văn đạt đến chiều sâu nhất của nó."[37] Chính "tính sắc sảo trong lý luận của ngài đã mang lại cho ngài danh xưng 'Vị thầy của các nhà lý luận", và ngài hiện vẫn còn được gọi là Tiến sĩ tế vi".[38]

Richard Cross, một chuyên gia hàng đầu hiện nay về Scotus đã nhận định về ngài như sau: "Có lẽ, hơn bất cứ các người đồng thời nào khác của ngài, Scotus quan tâm đến các luận chứng trên chính cơ sở luận chứng của chúng. Ở trong phạm vi này, ngài là "thần học gia vượt trội của nhà triết học" (the philosopher's theologian *par excellence*). Hầu như lúc nào ngài cũng cung cấp, cách phong phú, nhiều luận chứng cho các quan điểm của ngài; những luận chứng này, thông thường, được ngài trình bày trong một cách thức trong đó người đọc nhận ra cách nối bậc dạng thức luận lý của chúng. …Ngài dừng lại trên những vấn nạn triết học nào có liên can đến nhiệm vụ thần học của ngài." [39] Thật ra, nét "tinh tế" độc đáo này đã được chính Thầy giáo của ngài, Gonsalvo of Spain – và sau này, vào năm 1304, trở thành Tổng Phục Vụ của Dòng– phát hiện khi ngài còn là một sinh viên: " Tôi biết rất rõ đời sống đáng khen ngợi của ngài, một người anh em có một kiến thức uyên bác và một sự *tinh vi tột đỉnh*." [40]

DPP của ngài các chứng cứ của Aristôte (tính nhân quả cùng đích) và của Platô (tính nhân quả siêu việt), để chỉ ra rằng Thiên Chúa hiện hữu.

[36] Ingham, *Initiation à la pensée de Jean Duns Scot*, 59. xem thêm trang 52-53: "Khi khẳng định giá trị của tạo dựng và tương quan của chúng ta với nó, chúng ta cũng khẳng định giá trị của những gí là "ngẫu nhiên" và nay còn mai mất! *Hạn từ "ngẫu nhiên" được dùng để chỉ bất cứ vật gì có thể không hiện hữu, hoặc, nếu hiện hữu, có thể hiện hữu một cách khác với cách hiện nay.* Ví dụ một cây bông hồng chẳng hạn: nó có thể có một màu sắc khác với màu hiện nay; một trong những bông của nó có thể có một kích cở khác hoặc một dạng khác với kích cở hoặc dạng hiện nay. Tôi cũng có thể to, cao hơn cái tôi hiện nay. Tôi có thể đã không hiện hữu. Một hữu thể ngẫu nhiên thì bị lệ thuộc; sự hiện hữu của nó lệ thuộc vào một cái khác. Kể cả khi một hữu thể như thế là vĩnh hằng đi nữa (eternal), -nghĩa là, luôn hiện hữu,- nó vẫn lệ thuộc vào một vật khác, như một hậu quả lệ thuộc vào một nguyên nhân. Như thế, tất cả mọi trật tự được tạo thành và tất cả mọi hữu thể trong đó, có thể đã không bao giờ hiện hữu, hoặc đã có thể hiện hữu một cách khác với cách hiện nay. Trật tự của chúng ta là một trật tự ngẫu nhiên, nó đi vào hiện hữu và thôi (ngưng) hiện hữu chính bởi vì không có gì trong nó đòi buộc nó hiện hữu." Trật tự ngẫu nhiên này được ứng dụng cho cả Thiên Chúa (L'ordre contingent même au Createur) "Lạy Chúa, chúc tụng Chúa vì tất cả các tạo vật Người đã dựng nên..": Trong tư tưởng của thánh Phanxicô, tình yêu của Thiên Chúa được biểu lộ trong và bởi (qua) sự tạo dựng, chiếm một chỗ quan trọng. Scotus diễn tả tư tưởng này của Phanxicô qua các bản văn của ngài nói về trật tự được tạo dựng và tương quan của nó với Thiên Chúa. Chúng giúp chúng ta ý thức và đi sâu vào trong tính tự do và quảng đại của tình yêu thần linh. Và khi làm như thế, chúng ta ý thức giá trị của chính chúng ta, nhưng hữu thể "ngẫu nhiên" (cf. Lạy Chúa con người có là chi mà Chúa phải bận tâm nhớ đến…)

[37] Wolter, Allan B. and Blane O'Neill. *John Duns Scotus, Mary's architect.* (Illinois : Franciscan Press, 1993), ix

[38] Antonie Vos, *The philosophy of John Duns Scotus*. (Edinburg: Edinburg University Press, 2006), 185.

[39] Richard Cross, Duns Scotus on God, (Oxford: Ashgate, 2005), 8

[40] Trích thư của Tổng Phục vụ Gonsalvo gởi cho Giám Tỉnh Paris, đề nghị đưa tên của Duns Scotus vào danh sách các anh em ứng viên chức Khoa trưởng Thần học Paris. x. Ingham, *Initiation à la pensée de Jean Duns Scot*, 22.

Sống sự tin tưởng, tinh thần trách nhiệm và sự thánh thiện

Bài giảng Lễ khấn lần đầu - Du Sinh 20-8-2013

Is 44,1-5; 1 Tx 4,1-3a.7-12; Mc 10,24b-30

FX Long, ofm

Anh em đã có thời gian để suy nghĩ và lấy quyết định. Anh em cũng đã tĩnh tâm để chuẩn bị cho ngày khấn hôm nay. Giờ đây, tôi chỉ xin nhấn mạnh ba điều như để đúc kết thời gian Nhà Tập: sự tin tưởng, tinh thần trách nhiệm và sự thánh thiện.

Hiện nay, tại Nhật Bản có quá nhiều thanh niên được gọi là *hikikomori* (người sống khép kín, từ chối mọi giao tiếp với xã hội), tuổi bình quân từ 21 đến 32: do bị thất bại trong một việc gì, nên mất tự tin; do cha mẹ bắt lệ thuộc quá đáng; do áy áy vì không báo đáp được công ơn dưỡng dục của cha mẹ…[41]. Chắc chắn anh em không ở trong tình trạng đó. Sau một năm Nhà Tập, anh em đã học hỏi, đã suy tư, đã cầu nguyện. Anh em biết mình tin vào vị Thiên Chúa nào đang kêu gọi anh em, và anh em thuộc về vị Thiên Chúa nào (*Is*); anh em biết mình sống theo nền linh đạo nào, và phải tin vào anh em khác cũng như tin vào chính mình. Anh em được mới gọi tin tưởng đi vào một mạng lưới về tương quan với Thiên Chúa, với anh em và chính mình, để xây dựng hòa bình và xây dựng tình yêu thương (*1 Tx*).

Xã hội chúng ta hôm nay có quá nhiều người chỉ biết lo cho mình, vơ vào cho mình, khư khư bấu vào những quyền lợi của mình, đến nỗi không ngại hy sinh sự sống của người khác, của xã hội. Trong một ca phẫu thuật, cô y tá trẻ tập sự nói với bác sĩ phẫu thuật khi ông đang khâu vết mổ lại : « Bác sĩ, chúng ta còn một miếng gạc chưa lấy ra khỏi bệnh nhân ». Ông bác sĩ dứt khoát : « Tôi đã lấy toàn bộ số gạc rồi. Chúng ta bắt đầu khâu vết mổ lại". – « Không được ! Chúng ta đã dùng hết 12 miếng gạc, mà chỉ mới lấy ra 11 miếng ». Bác sĩ nói cứng rắn : « Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm ! Khâu vết mổ lại ! » - « Bác sĩ không được làm như vậy ! Ông phải có trách nhiệm với bệnh nhân chứ ! ». Vừa mỉm cười, bác sĩ vừa xoè tay ra: miếng gạc 12 nằm ở đó… Xã hội VN đang mất dần những con người biết chịu trách nhiệm về người khác. Chúng ta đang chứng kiến sự vô cảm ở khắp nơi. Nếu anh em muốn yên phận, không dũng cảm sống trách nhiệm, để có thể làm việc trong danh dự, để dám mạo hiểm trước các thách thức của cuộc đời và bất khuất theo đuổi các mục tiêu của mình, anh em không phải là Phan sinh. Phải nói là không xứng đáng là người nữa !

Nhưng tôi xin nhấn mạnh: anh em tiến đi trong bầu khí « sự thánh ». Chúng ta làm việc vì Thiên Chúa gọi chúng ta. Chúng ta dấn thân vào đời tu Phan sinh vì Thiên Chúa gọi chúng ta, vì Đức Giêsu đang muốn chúng ta làm môn đệ Người theo cung cách của thánh Phanxicô. Hôm qua, Đức giáo hoàng Phanxicô đã nhắn gửi các tín hữu : « Chúng ta không thể là Kitô hữu bán thời gian. Nếu Đức Kitô ở tại trung tâm đời sống chúng ta, thì Người hiện diện trong tất cả những gì chúng ta làm »[42]. Tôi xin áp dụng đặc biệt lời này cho anh em : Nếu mà anh em nói rằng Đức Giêsu đang ở tại trung tâm đời sống anh em,thì trong bất cứ điều gì anh em làm, người ta phải thấy được Đứx Giêsu đang ở đấy. Chúng ta dấn thân trong Giáo Hội và thế giới, vì đã xác định được sứ mạng của Hội Dòng và của chính mình. Chúng ta đi gặp gỡ người khác, không phải để làm công việc PR[43], để « đắc nhân tâm » mà củng cố địa vị của mình, mà là để đưa con người về với Thiên Chúa. Tất cả những yếu tố đó làm cho chúng ta dấn thân và cung cách làm việc không giống người khác. Anh em phải cố đi ra ngoài những vòng tròng chật hẹp, đi ra những « vùng ngoại biên, vùng ven », như Dòng chúng ta đã nói trong mấy Tổng Tu Nghị gần đây. Đức giáo hoàng Phanxicô đã nói : « Một Giáo Hội mà không ra ngoài, sớm muộn gì, cũng sinh bệnh vì bị khép kín… Điều cũng đúng là ra ngoài phố sẽ gặp nguy cơ bị tai nạn, nhưng nói cho ngay, tôi thích một Giáo Hội bị tai nạn một ngàn lần hơn một Giáo Hội bị bệnh».

[41] Xem *Kiến Thức Ngày Nay*, 827 (2013) 58.

[42] Tweet 19/8/2013.

[43] PR = Publich Relations: Xây dựng những mối quan hệ công chúng.

Dĩ nhiên sẽ có những thiệt thòi. Nhưng tùy anh em chọn. Chọn thiệt thòi trước mặt người đời, để có Chúa, có đời sống thân tình với Chúa. Hoặc chọn có mọi sự trần gian, dù có mất tình nghĩa với Chúa và phản bội sứ mạng. Anh em phải chọn. Rất mong anh em, khi đã dám tuyên khấn, thì cũng dám chấp nhận những phiêu lưu mà đôi khi người đời chẳng hiểu nổi! Cầu mong anh em tìm được niềm vui và ý nghĩa của cuộc đời ngay trong sự trung thành dấn thân.

Chúng tôi rất mừng vì Chúa đã gửi anh em đến với Tỉnh Dòng. Phải can đảm sống những yếu tố nền tảng của đời sống tu trì mà anh em đã chọn. Phải can đảm cầu nguyện. Phải can đảm sống tình huynh đệ. Phải can đảm sống sự đơn giản và nghèo khó. Phải can đảm sống sự ngay thẳng trung thực.

Gia đình ruột thịt và gia đình thiêng liêng của anh em là Tỉnh Dòng cầu nguyện nhiều cho anh em và đồng hành với anh em.

"Chết" trong Chúa… sẽ "vui sống muôn đời".

Giảng lễ an táng thầy Phaolô Nguyễn Tất Pháp, OFM, ngày 23-8-2013 tại cộng đoàn Du Sinh

(*Ac* 3,17-26; *1 Ga* 3,1-2; *Mt* 11,25-30)

FX Vũ Phan Long, ofm

Mỗi người chúng ta có một hình ảnh về thầy Phaolô Nguyễn Tất Pháp. Anh em trong Tỉnh Dòng thì khác. Bà con trong dòng họ thì khác. Riêng tôi, khi chia sẻ với anh chị em về người anh em của chúng tôi, tôi cũng có một số hình ảnh, một vài suy nghĩ về cuộc đời của thầy Phaolô.

Mỗi anh em trong Tỉnh Dòng giống như một thành phần trong một bình hoa, hay như một dấu nhạc trong một bản nhạc. Trong một bình hoa, có những cành lan mượt mà, những cành hồng rực rỡ, nhưng cũng có những lá cỏ, lá gai, những cành cây khô; tất cả làm thành bình hoa mỹ thuật, làm tươi sáng căn phòng. Trong một bản nhạc, có những đoạn nhạc cao trào, nhưng cũng có những dấu nhạc chuyển tiếp, những dấu nhạc ở vị trí nghịch; tất cả làm thành một bản nhạc duyên dáng, du dương. Thầy Phaolô là một con người mộc mạc, chất phác, thầy chỉ như một thành phần thứ yếu trong một bình hoa, trong một bản nhạc, nhưng thầy cũng đã làm cho bình hoa đó, bản nhạc đó thành công: Thầy là thành phần trong một toàn thể, là người con của Hội Thánh, một anh em trong Dòng Anh Em Hèn Mọn, một thành phần Tỉnh Dòng thánh Phanxicô VN… Nếu như không có thầy, thì Hội Thánh, Dòng Anh Em Hèn Mọn và Tỉnh Dòng thánh Phanxicô sẽ khác.

Thầy đã làm được như thế, nhờ đâu? Thầy không có khả năng trí thức cao, không nhạy bén về nghệ thuật, nhưng thầy xác tín vào ơn gọi Thiên Chúa ban cho thầy; thầy đã sống điều chính yếu của ơn gọi Phan sinh. Do đó, thầy luôn mau mắn vâng phục và tận tụy chu toàn những công tác được giao phó; thầy trung thành với đời sống cầu nguyện cộng đoàn, với thánh lễ. Nghĩ đến sự tận tụy chu toàn những công tác được giao phó, anh em trong Tỉnh Dòng có nhiều kỷ niệm về công việc làm vườn, làm ruộng của thầy ở Cù Lao Giêng, hay chăm hoa lan hoa hồng ở Du Sinh, nhưng tôi nhớ kỷ niệm này: trong thời gian xây nhà dòng Đakao 1972-1973, thầy được giao cho trông coi vật liệu, thầy rất kỹ về các loại đinh, thầy kỹ đến nỗi anh em đã gán cho thầy biệt danh "cai đinh". Chính trong thời gian này, thầy đã đưa một cô phụ hồ trẻ trở lại đạo. Nghĩ đến sự trung thành với đời sống cầu nguyện phụng vụ, anh em Du Sinh đều nhớ: dù có mệt nhọc vì bệnh tật, hễ dậy được là thầy lại cố gắng vào nhà nguyện đúng giờ với anh em. Do đó, tôi thấy như bài sách *Ai ca* nói, thầy sống như người lúc nào cũng "đợi chờ ơn cứu độ của Đức Chúa" (*Ac* 3,26) nên cũng trở thành chứng nhân về sự cần thiết của ơn cứu độ của Thiên Chúa, chứng nhân về sự cần thiết phải có Chúa. Thầy cho thấy làm con Thiên Chúa là như thế nào (*1 Ga*): tận tụy, nhẫn nại, khiêm tốn và trung thành. Trong năm thầy mừng ngọc khánh khấn dòng cách đây hai năm, tôi có gặp thầy mấy lần, chia sẻ vài tâm tình về đời sống tu trì; nghe thầy nói những lời vụng về, nhưng tôi phải âm thầm nói: "Lạy Cha là Chúa

Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vi Cha đã mạc khải những điều cao cả cho người bé mọn này" (x. *Mt* 11,25). Phải nói là cũng có những lúc thầy muốn làm theo ý riêng của mình, và các bề trên cũng chiều, nhưng rồi thầy hiểu ra là như thế thì không hay. Vào dịp cha Phaolô Nguyễn Văn Hồ mừng ngọc khánh linh mục cách đây hai tháng, sức khỏe thầy bất ngờ suy sụp. Khi tôi vào thăm, thầy đã khào khào xin tôi tha mọi tội lỗi. Tôi thấy được cố gắng của thầy chiến đấu chống lại ý riêng, dù có những lúc thua ý riêng, nhưng vẫn chiến đấu chống ý riêng, và sống cốt lõi của ơn gọi Phan sinh, sống vâng phục, sống mộc mạc, đơn sơ, âm thầm.

Vào sáng ngày 20 vừa rồi, thầy đã đến gặp tôi. Tôi bảo: mừng, vì kỳ này thấy thầy khỏe. Thầy hỏi: Theo cha, con nên xin chuyển đi cộng đoàn khác hay thôi? Tôi hỏi: Vì sao thầy hỏi con như thế? Thầy bảo có anh em gợi ý như thế vì thấy thầy đau khớp, chứ thầy vẫn thích ở đây. Tôi bảo: Thế thì thầy cứ bình an ở đây; trong tương lai, nếu các bề trên thấy nên đưa thầy đi cộng đoàn khác, thì sẽ tính sau. Thầy đồng ý. Không ngờ đề nghị này lại đã để thầy an nghỉ tại Du Sinh thật lâu dài, vì đêm hôm ấy thầy qua đời.

Chúng ta có quyền tin rằng Đức Giêsu đang nói với thầy: "Tất cả những ai đang vất vả mang gánh nặng nề, hãy đến cùng tôi, tôi sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng" (*Mt* 11,28). Và Người nói tiếp: Vì "anh đã mang lấy ách của tôi, và đã học với tôi, tâm hồn anh nay được nghỉ ngơi bồi dưỡng" (x. *Mt* 11,29). Chúng ta tin rằng hôm nay thầy Phaolô "đã chết" trong Chúa, thầy sẽ "vui sống muôn đời".

Giải đáp thắc mắc Cựu Ước

Lm Roland E. Murphy, O. Carm. (Dòng Cát Minh)

Nguyễn Trọng Đa dịch theo "*Responses to 101 questions on the Biblical Torah*", Manila, St Pauls, 1999, trang 10-13)

Hỏi: ***Sách Sáng thế được cấu trúc như thế nào?***

Đáp: Thời tiền sử, St 1-11

Thời các tổ phụ, 12-36

Chuyện ông Giuse, 37-50

Có nhiều cách thức để lập dàn bài cho cuốn St, nhưng lối chia ba phần như trên có thể là hữu ích hơn là có nhiều chi tiết. Đáng lưu ý là phần lớn nhất trong thời kỳ các tổ phụ là dành nói về tổ phụ Giacóp, bởi vì phần Giacóp hầu như bao gồm cả phần nói về cuộc đời của Giuse. Ixaác được trình bày ngắn gọn, gần như là gương phản chiếu của thân phụ ngài, và chỉ nói rõ trong các chương 26-27. Ngay cả phần *akedah* nổi tiếng hoặc "dâng Ixaác làm lễ tế" (St 22) dường như là một phần của câu chuyện Ápraham (chương 12-25).

Một cách thức khác của dàn bài sách St là đi theo các dấu hiệu được truyền thống tư tế để lại: sự xuất hiện của từ ngữ *toledoth*, hoặc "thế hệ", là 10 lần. Nó có nhiều chức năng. Nó sẽ giới thiệu một gia phả, đôi khi bằng cách của một sự tóm lược lịch sử, hoặc như sự nối kết của các cá nhân và các thế hệ với nhau (chẳng hạn 5, 1;10, 1;11, 10; 25, 12; 35, 1). Nó cũng được dùng để giới thiệu một phần mới của trình thuật (chẳng hạn 2, 4;6, 9;11, 27; 25, 19; 37, 2). Công thức quen thuộc là : "Đây là gia đình của…", và chúng dễ được nhận ra. Công thức này chỉ được dùng một vài lần ngoài sách St mà thôi (chẳng hạn Xh 6, 14).

Hỏi*: Nếu lịch sử bắt đầu với việc tạo thành muôn loài, làm sao cha lại gọi các chương đầu của sách St là về thời "tiền sử"?*

Đáp: Thật ra câu hỏi của bạn có nhiều phần. Phần đầu là giả thiết rằng lịch sử khởi đầu với việc tạo thành vũ trụ. Sự khởi đầu của việc tạo thành là sự hiện hữu của nhiều loại sự sống trên trái đất, và chúng ta thực sự không biết gì về các khởi đầu này. Các nhà khoa học nói về nguồn gốc vũ trụ theo thuyết "Vụ nổ lớn" (Big-Bang), và nhiều người xem thuyết này là đáng tôn trọng về mặt khoa học, và ít nhất là hòa hợp với những gì chúng ta biết từ sách St. Nhưng nó là chưa quan trọng; chúng ta không quan tâm so sánh thuyết khoa học với các dữ liệu Kinh thánh. Điều nên được nói là rằng lịch sử chưa bắt đầu ngay sau khi Chúa tạo thành con người. Con người sống và có nhiều kinh nghiệm, nhưng chưa để lại dấu vết nào về việc này. Lịch sử khởi đầu khi con người lưu lại, bằng viết ra

hoặc truyền khẩu, các vụ việc linh động. Các thế hệ sau đó phân tích các ghi chép này hoặc các đồ tạo tác, nhằm xây dựng lịch sử của một thời kỳ. Lẽ tất nhiên, không gì được truyền lại cho chúng ta từ các "khởi đầu" được ghi lại trong St 1-11.

Thời "tiền sử" là đơn thuần một từ ngữ qui ước được sử dụng bởi các học giả Kinh Thánh, để nói lên bản chất đặc thù của các sự kiện được kể trong St 1-11. Chúng không phải là lịch sử như chúng ta hiểu từ ngữ lịch sử hiện nay. Nói đúng hơn, chúng là sự giải thích của thực tại: bản chất của tương quan giữa Chúa và thế giới, nhất là mọi sinh vật (con người là đỉnh cao nhất), sự thất bại của con người để đáp trả việc Chúa trao ban sự sống, chẳng hạn qua trình thuật trận đại hồng thủy, và câu chuyện tháp Baben. Chính khi trình thuật bắt đầu nói về các thị trấn cổ, và việc Ápraham di cư đến vùng đất Canaan, thì con người bắt đầu đi vào một thời kỳ, vốn phải chịu một sự kiểm soát lịch sử nào đó.

Các từ ngữ khác đã được sử dụng để mô tả bản chất của các sự kiện được kể trong St 1-11, chẳng hạn các trình thuật huyền thoại hoặc tưởng tượng. Các từ ngữ này có thể gây sốc cho những ai đã có thành kiến về những gì được kể trong các chương ấy. Thường có một phản ứng: bạn sẽ nói rằng điều được kể ở đây là không có thật, hoặc là không có tính lịch sử. Không phải tất cả đâu; người ta không nói điều ấy. Điều người ta nói là rằng lịch sử và sự thật là không phải các từ ngữ đồng nghĩa. Còn có các loại sự thật khác bên ngoài lịch sử nữa. Chắc chắn đó là điều mà chúng ta đều đồng ý với nhau. Điều gì là "sự thật" của một ẩn dụ, của một dụ ngôn, của một thánh vịnh, của một bài tình ca, của một truyện ngắn? Người ta có thể kể ra nhiều lắm. Phận sự đầu tiên của một người đọc Kinh thánh là biết rõ thể loại văn chương nào mà mình đang đọc. Liệu đó là lịch sử hay là thi ca sáng tạo? Hơn nữa người ta phải xem xét các tiêu chuẩn, mà mình sử dụng, để xếp loại cho lịch sử. Mọi bài viết lịch sử là giải thích, và liệu chúng ta hiểu rõ ý định của tác giả không? Liệu tác giả đang viết châm biếm dưới chiếc áo lịch sử không (người ta nghĩ đến sách Giô-na 'Gn')?. Lịch sử là một nghệ thuật vốn phát triển và hoàn thiện đáng kể qua các thế kỷ. Các tiêu chuẩn, vốn được đặt ra để viết lịch sử bởi hội của các sử gia ngày nay, đều không được biết đến ở thời kỳ ban sơ, và chúng ta không chờ mong rằng các tác giả Kinh thánh tuân theo các tiêu chuẩn ấy. Chúng ta phải đọc bản văn như nó được trưng ra, với các hạn chế của thời kỳ soạn thảo ra nó. Các bản Kinh thánh không nhắm đến cho chúng ta trước tiên, nhưng nhắm cho người đọc ở thời Kinh thánh. Do đó, họ không thể hiểu sứ điệp của Chúa, nếu nó được ghi trong Kinh thánh theo phiên bản King James, hoặc một phiên bản tương đương, phản ảnh các giả định của thời đại chúng ta. Vấn đề này của lịch sử có thể được định nghĩa và thảo luận mãi mãi; cách tiếp cận tốt nhất là đọc bản văn Kinh thánh, khi chưa có các định kiến hiện đại mà chúng ta muốn đưa vào đó. Hoặc nói cách khác, chúng ta phải nhìn nhận các hạn chế của bản văn xưa, nếu chúng có thể được gọi là hạn chế, và chúng ta cho phép bản văn dạy chúng ta mà không áp đặt các tiêu chuẩn của chúng ta về lịch sử lên chúng.

Một vấn đề vốn có thể cung cấp sự kinh ngạc và mất tin tưởng cho chúng ta là tuổi thọ lâu qua lâu của nhiều người được ghi lại trong các chương của sách St. Có lẽ một trong các "vụ việc" là người sống thọ nhất là ông Methuselah (Mơ-thu-se-lác) với 969 tuổi (St 5, 27). Ông thuộc thế hệ những người sống trước trận đại hồng thủy, và tất cả họ đều sống thọ quá lâu. Người đọc chắc tự hỏi về ý nghĩa của tuổi thọ này. Các con số này trở nên dễ hiểu hơn khi chúng ta khám phá rằng có các danh sách tương tự trong các tài liệu ở Babylone hoặc Sumeria, trong đó có các anh hùng thuộc thời kỳ trước trận đại hồng thủy, và họ cũng sống thọ lâu quá lâu. Người ta có thể nhận thấy trong các dữ liệu Kinh thánh rằng có một sự giảm đáng kể về tuổi thọ của các người được kể tên. Do đó, không có sự giải thích chắc chắn về ý định đàng sau tuổi thọ ấy. Hình như tuổi thọ ấy thuộc về huyền thoại (người thọ nhất trong danh sách Sumeria là 72 ngàn tuổi). Ít nhất người ta có thể nói rằng các gia phả này có chức năng tạo ra đông đảo người trên trái đất trong thời kỳ trước trận đại hồng thủy. Cùng với danh sách các dân nước trong chương 10, chúng giúp tạo ta một sự liên tục nào đó cho trình thuật. Về mặt thần học, đây là một tuyên bố rằng Thiên Chúa tạo dựng cả đất trời, và truyền thống nào cũng đưa ra các gia phả và danh sách theo kiểu ấy.

Tôi đã nhắc đến trận đại hồng thủy, và có lẽ bạn nghĩ rằng sự kiện này có tính lịch sử trong các chương 6-8. Liệu trận đại hồng thủy này có thực sự xảy ra không? Không đâu, bởi vì sự mô

tả này là sự sáng tạo của hai nguồn, nguồn P và nguồn J. Mỗi nguồn có phiên bản riêng về trận đại hồng thủy, và cả hai đặt chung với nhau để tạo nên một sự thống nhất lỏng lẻo, để nêu ra sự lan tràn tội lỗi trên trái đất (St 6, 5-7, 11-12), và sự trừng phạt mà thế giới đáng hưởng. Chính vì lý do này mà các tác giả sử dụng các trình thuật trận đại hồng thủy, vốn là quá nổi bật trong thế giới cổ xưa.

Con người khôn ngoan, công bình và hòa bình

Đakao 25-8-2013: Bài giảng lễ Thánh Luy IX, Bổn Mạng Dòng PSTT

Thánh Luy, vua nước Pháp, đã sống giữa lòng thế kỷ 13. Ngài là một con người có nhiều điểm tương phản, nên đã là đối tượng của nhiều công trình nghiên cứu, của phe tả tìm mọi cách để phản đối sự thánh thiện của ngài, và của phe cực hữu tìm mọi cách để giải thích rằng thánh Luy là một vị vua hoàn hảo, không bao giờ phạm tội.

Còn chúng ta, chúng ta có thể nói gì về ngài?

Quả thật, nếu có thể gọi là "bóng tối", thánh Luy có vài điểm khiến chúng ta là Kitô hữu thế kỷ 21 phải nghĩ ngợi. Ngài đã đánh dấu những người Do Thái để tách họ riêng ra: dân Do Thái là dân giết Chúa mà!. Dù biết đây là một cách ứng xử của thời đại chứ không phải là một chủ trương bài Do Thái đã giết cộng đồng Do Thái trong thế chiến II, thì cũng là điều đáng tiếc.

Thánh Luy là một con người hòa bình, nhưng đã đi thánh chiến, không phải để xâm lăng, mà là để chiếm lại Thánh Mộ đang ở trong tay người Hồi, bị coi là "con cái của thần dữ", "những kẻ ngoại đạo bẩn thỉu", "dòng giống đáng nhờm tởm" (Các kiểu Hội Thánh gọi người Hồi giáo)! Thánh Luy làm theo chương trình của Hội Thánh! Đây là một điểm tế nhị. Cha thánh Phanxicô đã có một cách xử sự tuyệt vời hơn nhiều. Dù sao sau này vị vua thánh đã hiểu rằng cuộc thánh chiến tốt nhất không phải là cuộc chiến chống lại người khác, nhưng là chống lại chính mình. Phải biết cải cách chính mình trước khi muốn cải cách người khác.

Vài điều đáng tiếc trên đây, dù đúng với thời đại, vẫn không che chắn được những "ánh sáng" của thánh Luy. Ngài đã chu toàn rất tốt sứ mạng làm vua nhờ hai nhân đức lớn: nhân đức công bình và nhân đức hòa bình. Hồi nhỏ, học ở trường Lasan, tôi thích giai thoại kể thánh Luy ngồi dưới gốc một cây sồi để xử các vụ việc. Lịch sử cho biết là đúng, nhưng chính xác hơn, thì phải nói thêm: vì nhà vua biết dân chúng thường bị một số bá tước nhũng nhiễu, nên đã tạo cơ hội cho dân chúng có thể đến than thở với ngài. Trong thực tế, vì không làm sao cho dân chúng khắp đất nước có thể đến với ngài, ngài đã tạo ra "Nghị viện". Người dân cứ việc đến với Nghị viện để cáo giác mọi chuyện mình bị nhà quý tộc hay công tước nào đó xử bất công.

Về tinh thần hòa bình, ngài tìm mọi cách để giữ sự an hòa với các vua chung quanh. Đối với ngài, gây chiến là điều tồi tệ nhất, là tội nặng nhất.

Có một điểm nữa giúp hiểu rõ hơn sự thánh thiện của vị vua thánh, và của chúng ta. Ngài đã viết một di chúc cho thái tử nối nghiệp, Philippe le Hardi, trong đó có đoạn: *"Con hãy xưng tội thường xuyên, và chọn những vị giải tội khôn ngoan biết dạy con những gì phải làm, phải tránh. Nếu có chuyện buồn phiền trong lòng, hãy nói liền với cha giải tội hoặc với một người khôn ngoan, khi đó con sẽ mang nó nhẹ nhàng hơn. Làm sao để bên cạnh con luôn có một người khôn ngoan, hoặc tu sĩ, hoặc giáo dân. Hãy thường xuyên nói chuyện với các vị đó, và tránh những người độc ác".*

Đoạn di chúc trên đáng lưu ý vì cho thấy thánh Luy coi vương quyền không phải là sở hữu riêng. Vậy nhà vua không phải là người dùng sự khôn ngoan riêng, theo ý muốn của chính mình, để sắp xếp mọi sự. Trong thực tế, muốn là khôn ngoan thật, nhà vua phải cậy nhờ những người khôn ngoan soi sáng. Sai lầm khi nói rằng người cầm quyền hành xử quyền bính một mình. Người khôn ngoan chính là người đủ khiêm tốn để nhận biết các giới hạn và các tội lỗi của mình, và tìm cho có những người khôn ngoan mà làm việc chung.

Để có thêm ý tưởng, chúng ta nhìn về vua Đavít với ngôn sứ Nathan bên cạnh. Vào thờ Thượng Cổ Israel, nhà vua là người hành xử quyền bính với vị ngôn sứ. Vị ngôn sứ là người biết nói với nhà vua khi ông làm điều tốt, và biết nói với nhà vua khi ông làm điều xấu. Chính ngôn sứ Nathan đã dùng một dụ ngôn để minh họa tội ác của vua Đavít với bà Bát Seva, rồi nói: "Kẻ đó chính là ngài!" (*2 Sm* 12,7).

Tuy không phải là vua, anh chị em là Kitô hữu, thì cũng là tư tế, ngôn sứ và vương đế. Vậy khi chúng ta cố gắng thực thi vương quyền trong bí tích rửa tội, chúng ta được mời gọi sống cách khôn ngoan và nhất là biết tìm ra những người khôn ngoan giúp chúng ta thi hành nhiệm vụ ấy.

FX Vũ Phan Long, OFM

THƠ … THƠ

HAI TÊ MIỆT VƯỜN

LỬA TÌNH YÊU

Tình yêu *thiêu đốt lòng Ngài,*
Khiến Ngài chấp nhận họa tai vào mình.
Sẵn sàng để chịu đóng đinh,
Chết trên khổ giá cực hình đau thương.
Miễn sao mở lối khai đường,
Giúp cho nhân thế khỏi vương tội tình.
Mọi người lại được tái sinh,
Chính bằng thánh sủng Thánh Linh Chúa Trời.
Để rồi trở lại làm người,
Ở trong bản chất tuyệt vời trắng trong.
Chính nhờ Chúa ngự cõi lòng,
Vậy là ai nấy sống trong an bình.
Vũ hoàn khỏi cảnh chiến chinh,
Chẳng còn thù oán, Đệ huynh tương tàn.
Giúp nhau cất bước lên đàng,
Đến quê hằng sống đầy tràn tình thương.

MONG LỬA BÙNG LÊN

Chúa đem ***lửa*** *xuống trần gian,*
Ngài mong ***lửa ấy*** *lan tràn khắp nơi.*
Ngõ hầu đốt cháy tội đời,
Giúp cho người thế thành người thiện chân.
Chẳng ai ưa thích tranh giành,
Tiền tài , danh vọng làm phần tư riêng.
Nhưng luôn biết sống trung kiên,
Bước theo Đức Chúa suốt trên đường trần.
Mọi người tích cực đấu tranh,
Loại trừ, tội ác, góp phần dựng xây.
Thế trần lại được đổi thay,
Cuộc đời nhân thế tràn đầy tình thương.
Thế là đi đúng con đường,
Giê su Đức Chúa khai trương trên đời.
Cuối đời tất cả về trời,
Muôn đời vui sống với người ***Cha yêu****.*

CÁC NGÀY GHI NHỚ

THÁNG 10

04/10/2012
Lễ Trọng Kính Thánh Phan-xi-cô Át-xi-di
Bổn Mạng
Tỉnh Dòng Thánh Phanxicô Việt Nam
Điểm Cồn Én
Cộng đoàn Đakao
Cộng đoàn Đất Sét
Cộng đoàn Suối Dầu
Cộng đoàn Xuân Sơn

MỪNG BỔN MẠNG ANH EM

Ngày	Tên Thánh	Họ Tên	Cộng Đoàn
04/10	Phanxicô	Đỗ Đình Lâm	Sông Bé
04/10	Phanxicô Atxidi	Trần Thanh Lam	Thủ Đức
17/10	Inhaxiô	Nguyễn Duy Lam	Đa kao
17/10	Inhaxiô	Ngô Đình Phán	Thủ Đức
18/10	Luca	Nguyễn Văn Phi	Thủ Đức
28/10	Simon	Nguyễn Tấn Đạt	Vinh
28/10	Tađêô	Phạm Văn Hiền	Đa kao

LỄ GIỖ ANH EM QUA ĐỜI

Ngày Qua Đời	Họ Tên
02/10/2009	Phêrô Baotixita Đỗ Long Bộ
03/10/2001	Florent Zucchelli
09/10/1982	Giuse Trần Văn Liên
10/10/2008	Gioan Maria Trần Văn Phán
12/10/1989	Angiêlô Vũ Văn Đình
17/10/1995	Đaminh Nguyễn Xuân Bá
20/10/1989	Phanxicô Trần Hữu Nghĩa